

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Hoc kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 03

CBGD: Nguyễn Thị Kiều Hạnh (267)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 10 %	Đ2 40 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	14118097	Trần Lâm An	DH14CK			10	4,5	5	5,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	15118006	Nguyễn Châu Bình	DH15CK			9	5	6	5,9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	14118013	Bùi Tấn Dương	DH14CK							●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	14118136	Nguyễn Quốc Đạt	DH14CC			10	8	8,5	8,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	14118149	Hà Văn Giao	DH14CC			8	3,5	4	4,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	14118022	Nguyễn Mạnh Hải	DH14CK							●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	15118034	Hoàng Anh Hiếu	DH15CC							●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	15118035	Nguyễn Xuân Hiếu	DH15CK			10	6	6	6,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	14118187	Nguyễn Hữu Hoài	DH14CC							●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	15118049	Nguyễn Văn Lâm	DH15CK			10	7	7	7,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	14118037	Trần Đình Hải Long	DH14CC			9	3	4	4,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	13118209	Đỗ Văn Minh	DH13CK							●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	14118200	Phạm Quang Nam	DH14CK			9	6	5	5,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	15118078	Nguyễn Tấn Phát	DH15CK			9	6	7	6,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	14118057	Tạ Minh Quân	DH14CK							●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	14118239	Văn Công Sĩ	DH14CK			8	4	4	4,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	14118061	Lê Tiến Tài	DH14CC			8	6	5	5,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	15118093	Phạm Ngọc Tập	DH15CK			10	6,5	6	6,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 03

CBGD: Nguyễn Thị Kiều Hạnh (267)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 40 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	14118259	Nguyễn Gia Thế	DH14CK			8	6	5	5,7	00012345678900	0123456789
20	15118099	Huỳnh Nhật Thiện	DH15CK							00012345678900	0123456789
21	15118103	Nguyễn Hữu Thọ	DH15CC			9	4	4	4,5	00012345678900	0123456789
22	15118109	Lâm Ngọc Anh	DH15CK			10	6	5	5,9	00012345678900	0123456789
23	15118110	Vũ Công	DH15CK			10	7	4,5	6,1	00012345678900	0123456789
24	14118086	Nguyễn Công Truyền	DH14CK							00012345678900	0123456789
25	14118292	Nguyễn Tấn Truyền	DH14CK			9	5	4,5	5,2	00012345678900	0123456789
26	14118294	Nguyễn Phi Trường	DH14CK							00012345678900	0123456789
27	15118123	Trần Thanh Tú	DH15CK			10	7	6,5	7,1	00012345678900	0123456789
28	14118304	Phạm Thanh Tùng	DH14CK							00012345678900	0123456789
29	14118089	Nguyễn Nhật Tuyển	DH14CC			9	5,5	4,5	5,4	00012345678900	0123456789
30	15118128	Hoàng Trung Tường	DH15CC							00012345678900	0123456789
31	14118309	Bùi Thanh Vinh	DH14CK							00012345678900	0123456789
32	14118310	Trần Hữu Vinh	DH14CC			10	8	6,5	7,5	00012345678900	0123456789
33	15118137	Nguyễn Quốc Vương	DH15CK							00012345678900	0123456789

Số lượng vắng: 13

Hiện diện: 20

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/hộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Thị Kiều Hạnh
Ngày in : 19/12/2017 09:44

Phạm Quang

Lê Thị Kiều Hạnh

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Phạm Quang

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 04

CBGD: Nguyễn Thị Kiều Hạnh (267)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 40 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15118003	Nguyễn Tuấn Anh	DH15CK							●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	15118008	Lê Trung Chiến	DH15CK	Chấn		9	2	2	9,9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
3	15118009	Nguyễn Quốc Cường	DH15CK							●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	15118026	Ngô Hồng Duy	DH15CK			9	5	5,5	5,7	○①②③④⑤●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑦⑧⑨
5	15118010	Lâm Văn Đại	DH15CK	Đại		9	4	2	2,5	○①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑤⑥⑦⑧⑨
6	15118014	Châu Tấn Đạt	DH15CK	Đạt		10	8,5	9	8,9	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
7	15118016	Phạm Hữu Định	DH15CK	Định		9	5	5	5,4	○①②③④⑤●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③●④⑤⑥⑦⑧⑨
8	15118017	Đoàn Ngọc Đông	DH15CK							●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	15118037	Nguyễn Công Hòa	DH15CK							●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	15118041	Đỗ Quang Huy	DH15CK	Huy		10	8,5	9	8,9	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
11	15118040	Nguyễn Quang Hưng	DH15CK	Hưng		9	8	7,5	7,9	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
12	15118140	Trương Đăng Khoa	DH15CK	Khoa		10	6,5	6	6,6	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
13	15118046	Trần Văn Khôi	DH15CK	Khôi		10	4	4	4,6	○①②③●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
14	15118054	Đặng Duy Long	DH15CK							●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	15118055	Lê Thanh Long	DH15CK	Long		10	6,5	7,5	7,4	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③●④⑤⑥⑦⑧⑨
16	15118057	Nguyễn Thanh Long	DH15CK							●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	15118058	Nguyễn Thành Luân	DH15CK	Luân		10	7,5	7,5	7,8	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
18	15118060	Phạm Văn Mai	DH15CK	Phạm		10	8	8	8,2	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 04

CBGD: Nguyễn Thị Kiều Hạnh (267)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	D1 40 %	D2 40 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tổ điểm lẻ
19	15118066	Hoàng Văn Nam	DH15CK							0001234567890	0123456789
20	15118068	Phạm Đức Nam	DH15CK							0001234567890	0123456789
21	15118069	Võ Văn Nam	DH15CK	nam		10	5	6	6,0	0001234567890	0123456789
22	15118071	Nguyễn Tấn Nghĩa	DH15CK							0001234567890	0123456789
23	13118039	Huỳnh Hồng Phúc	DH13CK							0001234567890	0123456789
24	15118080	Lê Nguyễn Vinh Phúc	DH15CK							0001234567890	0123456789
25	15118081	Trương Văn Phúc	DH15CK	Phúc		10	7	7	7,3	0001234567890	0123456789
26	15118083	Vũ Hải Quân	DH15CK	Quân		10	6	6,5	6,7	0001234567890	0123456789
27	15118086	K"	DH15CK							0001234567890	0123456789
28	15118089	Lê Văn Song	DH15CK	Song		10	6,5	6	6,6	0001234567890	0123456789
29	15118090	Huỳnh Quốc Tài	DH15CK	Tài		10	8	8	8,2	0001234567890	0123456789
30	15118092	Bùi Trí Tâm	DH15CK	Tâm		10	8	7,5	8,0	0001234567890	0123456789
31	15118095	Dương Tấn Thành	DH15CK							0001234567890	0123456789
32	15118102	Phạm Văn Thịnh	DH15CK	Thịnh		10	7	7	7,3	0001234567890	0123456789
33	15118104	Hoàng Ngọc Tiến	DH15CK	Tiến		9	5,5	6	6,1	0001234567890	0123456789
34	15118111	Trần Văn Toàn	DH15CK	Toàn		10	5	6	6,0	0001234567890	0123456789
35	15118120	Trần Nguyễn Quốc Trung	DH15CK	Trung		9	7	7	7,2	0001234567890	0123456789
36	15118121	Lê Quang Trường	DH15CK							0001234567890	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 04

CBGD: Nguyễn Thị Kiều Hạnh (267)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	<u>D1</u> 10 %	<u>D2</u> 10 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tổ điểm lẻ
37	15118125	Hồ Minh Tuấn	DH15CK			10	9	9,5	9,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	15118127	Phan Xuân Tùng	DH15CK			10	7,5	7,5	7,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	15118132	Phạm Thế Vinh	DH15CK			10	5	6	6,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	15118136	Đỗ Văn Vương	DH15CK			10	7	8,5	8,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	15118139	Nguyễn Thành Ý	DH15CK			10	6	6,5	6,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 14

Hiện diện: 27

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi:

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Thị Kiều Hằng

Chang
Phạm Quang Thắng

Sub
Ang Lian Ding

Nguyễn Thị Kiều Hằng

Chang
pham Quang Thang.

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Cơ học lý thuyết (207103) - 001_DH17CD_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 30/01/2018 Giờ Thi: 09:30 Phòng Thi CT201 Giảng viên: Vương Thành Tiên

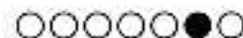
Lớp DH17CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 30 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm 10
1	17153002	Nguyễn Ngọc Trúc Anh	DH17CD			1,0	2,5	4,0	7,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	17153001	Phạm Hiệp	DH17CD			1,0	0,8	0,0	1,8	○ ○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
3	17153004	Hồ Thái	DH17CD			1,0	2,25	4,25	8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	17153005	Lê Hoàng	DH17CD			1,0	2,5	0,5	4,0	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	17153006	Nguyễn Tuấn	DH17CD			1,0	1,5	2,3	4,8	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
6	17153003	Bùi Đình	DH17CD			1,0	1,25	4,25	7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	17153008	Hồ Quốc	DH17CD			1,0	1,0	2,0	4,0	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	17153010	Vương Quốc Việt	DH17CD			0,5	0,5	1,5	2,5	○ ○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	17153011	Nguyễn Minh	DH17CD			1,0	2,5	0,8	4,3	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	17153017	Nguyễn Hồng	DH17CD			1,0	2,8	5,0	8,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
11	17153018	Lê Doãn	DH17CD			0,5	0,8	0,0	1,3	○ ○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	17153022	Đào Phụng	DH17CD			1,0	1,25	2,75	5,5	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	17153020	Đặng Quang	DH17CD		✓					● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	17153021	Đặng Thế	DH17CD			1,0	1,8	3,5	6,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	17153023	Nguyễn Hùng	DH17CD			1,0	1,0	3,8	5,8	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨



Mã nhận dạng 02625



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm: Cơ học lý thuyết (207103) - 001_DHI7CD_01

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 30/01/2018

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi CT201

Giảng viên: Vương Thành Tiên

Lớp

DHI7CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 30 %	^{60%} D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	17153019	Nguyễn Hoàng Dương	DHI7CD	<i>Nguyễn Hoàng Dương</i>		1,0	1,75	3,25	6,5	0012345●78910	01234●6789
17	17153012	Đương Tấn Đạt	DHI7CD	<i>Đương Tấn Đạt</i>		1,0	2,5	4,8	8,3	001234567●910	012●456789
18	17153013	Hà Công Định	DHI7CD	<i>Hà Công Định</i>		1,0	2,3	2,5	5,8	0012344●678910	01234567●9
19	17153014	Bùi Phú Đức	DHI7CD	✓	✓					●0012345678910	0123456789
20	17153016	Nguyễn Trung Đức	DHI7CD	<i>Nguyễn Trung Đức</i>		1,0	0,75	2,25	4,0	00123●5678910	●123456789
21	17153024	Đặng Minh Hải	DHI7CD	<i>Đặng Minh Hải</i>		1,0	2,5	2,8	6,3	0012344●78910	012●456789
22	17153025	Trần Sơn Hải	DHI7CD	<i>Trần Sơn Hải</i>		1,0	1,0	3,0	5,0	001234●678910	●123456789
23	17153026	Nguyễn Trường Hận	DHI7CD	<i>Nguyễn Trường Hận</i>		1,0	1,3	0,0	2,3	001●345678910	012●456789
24	17153027	Lê Trung Hận	DHI7CD	<i>Lê Trung Hận</i>		1,0	2,5	1,0	4,5	00123●5678910	01234●6789
25	17153028	Nguyễn Thành Hiếu	DHI7CD	<i>Nguyễn Thành Hiếu</i>		1,0	1,0	0,8	2,8	001●345678910	01234567●9
26	17153030	Bùi Văn Hoàng	DHI7CD	<i>Bùi Văn Hoàng</i>		1,0	2,8	2,0	5,8	001234●678910	01234567●9
27	17153032	Lê Nguyễn Huy	DHI7CD	<i>Lê Nguyễn Huy</i>		1,0	1,5	1,8	4,3	00123●5678910	012●456789
28	17153033	Trần Quang Huy	DHI7CD	<i>Trần Quang Huy</i>		1,0	2,3	3,0	6,3	0012345●78910	012●456789
29	17153034	Lê Văn Khanh	DHI7CD	<i>Lê Văn Khanh</i>		1,0	2,0	1,0	4,0	0012345678910	●123456789
30	17153035	Đương Quốc Khánh	DHI7CD	<i>Đương Quốc Khánh</i>		1,0	2,5	3,8	7,3	001234567●8910	012●456789



Mã nhận dạng 02625



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Cơ học lý thuyết (207103) - 001_DH17CD_01

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 30/01/2018

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi CT201

Giảng viên: Vương Thành Tiên

Lớp DH17CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	17153036	Đào Lưu Đăng Khoa	DH17CD	✓	✓					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	17153037	Ngô Tín Khoa	DH17CD	Ngô Tín		1,0	3,0	3,0	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	17153038	Nguyễn Tiến Khoa	DH17CD	Khoa		1,0	2,0	2,5	5,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	17153039	Bùi Tuấn Kiên	DH17CD	Bùi Tuấn		1,0	1,25	2,75	5,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	17153040	Đặng Ngọc Lâm	DH17CD	Đặng Ngọc		1,0	2,3	3,5	6,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	17153041	Lương Chí Lập	DH17CD	Lập		1,0	2,5	4,5	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	17153042	Nguyễn Quang Linh	DH17CD	Linh		1,0	1,5	1,5	4,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	17153043	Lâm Vũ Long	DH17CD	Lâm Vũ		1,0	1,5	0,0	2,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	17153045	Nguyễn Thanh Nam	DH17CD	Nam		1,0	0,3	0,0	1,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	17153046	Ngô Thiên Nghĩa	DH17CD	Ngô Thiên		1,0	1,5	0,5	3,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	17153047	Nguyễn Trung Nghĩa	DH17CD	Nguyễn Trung		1,0	0,75	2,25	4,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	17153048	Lê Khánh Nguyễn	DH17CD	Lê Khánh		1,0	1,8	3,5	6,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	17153049	Hoàng Đình Nhân	DH17CD	Hoàng Đình		1,0	1,75	1,25	4,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	17153051	Võ Thành Nhân	DH17CD	Võ Thành		1,0	0,5	0,3	1,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	17153052	Đoàn Hoài Như	DH17CD	Đoàn Hoài		1,0	1,8	1,5	4,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Cơ học lý thuyết (207103) - 002 DH17CD 01

Sổ Tin Ch 3

Ngày Thi: 30/01/2018

Giờ Thi: 09:30

Phóng Thi **RD101**

Giảng viên: Vương Thành Tiên

Lop

DHL3CB (Công nghệ chế biến lâm sản)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 10%	D2 30%	D.Số Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13115022	Nguyễn Hồng Tấn	Đại	DH13CB			1,0	1,75	1,25	4,0	001234567890
2	13118133	Nguyễn Hoàng	Hảo	DH13CK			1,0	2,5	0,5	4,0	001234567890
3	13137062	Hồ Thanh	Hoàng	DH13NL		✓					001234567890
4	13115235	Nguyễn Mạnh	Hùng	DH13CB			1,0	2,25	0,75	4,0	001234567890
5	13118186	Đào Xuân	Khôi	DH13CK			1,0	1,75	1,25	4,0	001234567890
6	13118023	Đoàn Nguyễn Anh	Kim	DH13CC		✓					001234567890
7	17153053	Đoàn Trần Minh	Nhật	DH17CD			1,0	1,75	1,25	4,0	001234567890
8	17153054	Dương Trung	Ninh	DH17CD			1,0	0,5	0,3	1,8	001234567890
9	17153055	Trương Hoàng	Phong	DH17CD			1,0	1,5	0,3	2,8	001234567890
10	17153056	Lê Hoàng	Phúc	DH17CD		✓					001234567890
11	17153057	Nguyễn Đức	Phúc	DH17CD			0,5	2,25	2,25	5,0	001234567890
12	17153058	Nguyễn Hồng	Phúc	DH17CD			1,0	1,5	2,0	4,5	001234567890
13	14118239	Vân Công	Sĩ	DH14CK			1,0	1,0	0,5	2,5	001234567890
14	17153059	Nguyễn Thanh	Son	DH17CD			1,0	2,0	2,5	5,5	001234567890
15	13137119	Nguyễn Hải	Son	DH13NL			1,0	2,0	1,0	4,0	001234567890



Mã nhận dạng 02626



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Cơ học lý thuyết (207103) - 002_DH17CD_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 30/01/2018

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi RD101

Giảng viên: Vương Thành Tiên

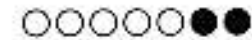
Lớp DH17CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	17153060	Đoàn Hữu Tài	DH17CD	<i>[Signature]</i>		1,0	2,25	4,25	8,0	001234567●910	●123456789
17	17153062	Phan Minh Tâm	DH17CD	<i>[Signature]</i>		1,0	1,3	0,0	2,3	001●345678910	012●456789
18	17153064	Kiều Văn Tấn	DH17CD	<i>[Signature]</i>		1,0	1,0	3,8	5,8	001234●678910	01234567●9
19	17153065	Phan Trọng Thái	DH17CD	<i>[Signature]</i>		1,0	2,25	3,25	6,5	0012345●78910	01234●6789
20	17153066	Đào Minh Thành	DH17CD	<i>[Signature]</i>		1,0	1,5	0,3	2,8	001●345678910	01234567●9
21	17153067	Trương Đức Thịnh	DH17CD	<i>[Signature]</i>		1,0	1,8	2,0	4,8	00123●5678910	01234567●9
22	17153068	Phan Anh Thư	DH17CD	<i>[Signature]</i>		1,0	2,25	2,25	6,0	0012345●78910	●123456789
23	13334204	Nguyễn Hồng Thuận	CD13C1	<i>[Signature]</i>	✓					●012345678910	0123456789
24	17153069	Đoàn Văn Tiến	DH17CD	<i>[Signature]</i>	✓					●012345678910	0123456789
25	17153070	Nguyễn Trọng Tiến	DH17CD	<i>[Signature]</i>		1,0	2,0	4,0	7,0	00123456●8910	●123456789
26	17153071	Trần Đức Tin	DH17CD	<i>[Signature]</i>		1,0	1,8	3,5	6,3	0012345●78910	012●456789
27	17153073	Nguyễn Minh Toàn	DH17CD	<i>[Signature]</i>		1,0	2,0	2,5	5,5	001234●678910	01234●6789
28	17153074	Phan Nguyễn Trung Toàn	DH17CD	<i>[Signature]</i>		1,0	1,5	0,8	3,3	0012●45678910	012●456789
29	17153072	Nguyễn Hoàng Toàn	DH17CD	<i>[Signature]</i>		0,0	0,0	2,3	2,3	001●345678910	012●456789
30	17153075	Lê Quốc Trọng	DH17CD	<i>[Signature]</i>		1,0	1,8	5,5	8,3	001234567●910	012●456789



Mã nhận dạng 02626



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/ Nhóm Cơ học lý thuyết (207103) - 002_DH17CD_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 30/01/2018

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi RD101

Giảng viên: Vương Thành Tiên

Lớp DH17CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 30%	D.Số 60%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm 10
31	17153076	Phạm Ngọc Triệu	DH17CD			1,0	2,25	4,25	7,5	0012345678910	0123456789
32	17153077	Phan Bảo Trọng	DH17CD			1,0	1,5	2,5	5,0	0012345678910	0123456789
33	13153255	Lê Ngọc Triệu	DH13CD			1,0	1,25	3,25	6,0	0012345678910	0123456789
34	17153078	Lê Văn Tuấn	DH17CD			1,0	2,5	4,5	4,0	0012345678910	0123456789
35	17153079	Võ Quốc Việt	DH17CD			1,0	2,75	3,25	6,0	0012345678910	0123456789
36	17153080	Hoàng Thanh Vương	DH17CD			1,0	1,5	3,0	5,5	0012345678910	0123456789
37	17153081	Dương Bảo Ý	DH17CD			1,0	1,25	2,75	5,0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 32 Số sinh viên vắng: 5

Ngày ____ Tháng 02 Năm 2018

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	17137001	Nguyễn Xuân An	DH17NL	An		6,6	9,0	4,5	5,8	0012345678910	0123456789
2	17137002	Trương Quốc An	DH17NL	An		7,5	4,0	5,3	5,5	0012345678910	0123456789
3	17137003	Trịnh Tuấn Anh	DH17NL	Anh		7,6	7,5	6,3	6,8	0012345678910	0123456789
4	17137004	Đặng Tiểu Bình	DH17NL	Bình		6,9	7,5	7,3	7,3	0012345678910	0123456789
5	17137005	Mai Thanh Bình	DH17NL	Bình		6,4	5,0	7,5	6,8	0012345678910	0123456789
6	17137006	Khải Nhát Chí	DH17NL	Chí		7,5	5,5	8,3	7,6	0012345678910	0123456789
7	17137007	Đậu Sỹ Chiến	DH17NL	Chiến		7,5	6,0	8,0	7,5	0012345678910	0123456789
8	17137008	Nguyễn Đình Chương	DH17NL	Chương		9	1,0	1,0	0,8	0012345678910	0123456789
9	17137009	Nguyễn Vô Quốc Cường	DH17NL	Cường		8,2	6,5	8,5	8,0	0012345678910	0123456789
10	17137011	Phan Hữu Danh	DH17NL	Danh		7,2	6,3	8,3	7,7	0012345678910	0123456789
11	17137013	Nguyễn Khánh Duy	DH17NL	Duy		6,0	4,0	7,0	5,6	0012345678910	0123456789
12	17137014	Nguyễn Quang Duy	DH17NL	Duy		8,2	6,8	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
13	17137015	Nguyễn Viết Duy	DH17NL	Duy		5,0	7,5	6,0	6,1	0012345678910	0123456789
14	17137016	Phan Lê Duy	DH17NL	Duy		7,8	5,0	8,8	7,8	0012345678910	0123456789
15	17137017	Tạ Triệu Duy	DH17NL	Duy		4,2	4,3	7,5	6,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02639



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

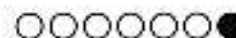
Môn Học/Nhóm Hình học tọa độ hình- vẽ kỹ thuật (207108) - 001_DHI7NL_01 Số Tin Ch 3

Ngày Thi 30/01/2018 Giờ Thi: 07:00 Phòng Thi RD401 Giảng viên: Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Lớp DHI7NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	17137018	Phạm Ngô Ngọc	Duyệt			4,5	0	3,0	2,7	00012345678910	0123456789
17	17137012	Lê Tấn	Dôn			7,0	5,8	7,5	7,1	00012345678910	0123456789
18	17137019	Tô Công	Hậu			8,9	4,8	7,5	7,2	00012345678910	0123456789
19	17137020	Nguyễn Thành	Hiếu			4,0	0,5	4,5	3,6	00012345678910	0123456789
20	17137023	Mai Văn	Hòa			5,0	9,3	5,3	6,0	00012345678910	0123456789
21	17137025	Phạm Hữu Huy	Hoàng			0	2,8	5,0	3,6	00012345678910	0123456789
22	17137026	Phan Phước	Hoàng			6,1	6,8	7,0	6,8	00012345678910	0123456789
23	17137027	Từ Minh	Hoàng			6,7	0	7,5	5,8	00012345678910	0123456789
24	17137022	Huỳnh Nhật	Hồ			7,5	4,5	7,8	7,1	00012345678910	0123456789
25	17137028	Nguyễn	Huân			4,9	4,0	4,5	4,5	00012345678910	0123456789
26	17137032	Trần Minh	Huy			5,4	4,0	4,5	4,6	00012345678910	0123456789
27	17137033	Phan Đình	Huỳnh			8,2	5,8	5,5	6,1	00012345678910	0123456789
28	17137030	Phạm Phi	Hung			0	7,5	6,8	5,6	00012345678910	0123456789
29	17137034	Đỗ Thích	Khung			7,3	6,3	6,3	6,5	00012345678910	0123456789
30	17137035	Đặng Quốc	Khánh			7,2	0,8	9,0	7,0	00012345678910	0123456789



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm: **Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật (207108) - 002_DH17NL_01** Số Tin Ch: 3

Ngày Thi: **30/01/2018** Giờ Thi: **07:00** Phòng Thi: **PV400A** Giảng viên: **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Lớp: **DH16CB (Chế biến lâm sản)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	16130305	Nguyễn Chí Cường	DH16CB	<i>Cường</i>		3,5	5,5	5,0	4,8	001234567890	0123456789
2	15154010	Lê Minh Đạt	DH15OT	<i>lud</i>		3,7	4,8	3,0	2,9	001234567890	0123456789
3	17137036	Nguyễn Đăng Khôi	DH17NL	<i>V</i>						001234567890	0123456789
4	17137037	Nguyễn Tuấn Kiệt	DH17NL	<i>Kiệt</i>		4,6	4,5	6,5	5,7	001234567890	0123456789
5	17137038	Trần Quang Lâm	DH17NL	<i>Quang</i>		6,4	4,8	7,3	6,6	001234567890	0123456789
6	17137039	Vũ Khắc Lịch	DH17NL	<i>Lịch</i>		6,6	6,3	5,8	6,1	001234567890	0123456789
7	17137044	Cao Long	DH17NL	<i>Long</i>		2	1,0	3,5	2,3	001234567890	0123456789
8	17137040	Hồ Quốc Lộc	DH17NL	<i>lô</i>		5,0	7,5	4,5	5,2	001234567890	0123456789
9	17137041	Hồ Thanh Lộc	DH17NL	<i>Lộc</i>		6,6	2,5	5,0	4,8	001234567890	0123456789
10	17137042	Ngô Nguyễn Hữu Lộc	DH17NL	<i>Hu</i>		8,0	1,0	7,3	6,2	001234567890	0123456789
11	17137043	Trương Đức Lộc	DH17NL	<i>Lộc</i>		7,4	8,5	9,0	8,6	001234567890	0123456789
12	17137045	Nguyễn Hoàng Minh	DH17NL	<i>Minh</i>		2	4,0	0,8	1,3	001234567890	0123456789
13	17137046	Nguyễn Na Na	DH17NL	<i>Na</i>		4,6	2	2,0	2,1	001234567890	0123456789
14	17137048	Lê Trung Nghĩa	DH17NL	<i>V</i>						001234567890	0123456789
15	17137050	Vũ Tấn Ngoan	DH17NL	<i>ngoan</i>		7,5	7,0	9,0	8,3	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 02640



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/ Nhóm Hình học hình- vẽ kỹ thuật (207108) - 002_DH17NL_01 Số Tin Ch 3

Ngày Thi 30/01/2018 Giờ Thi: 07:00 Phòng Thi PV400A Giảng viên: Nguyễn Thị Kiều Hạnh

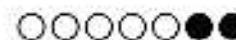
Lớp DH17NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20 %	D2 20 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	17137051	Phạm Nhật Phong	DH17NL	<i>Phong</i>		3,5	7,8	6,5	6,2	0012345678910	0123456789
17	14115220	Nguyễn Trung Phú	DH14CB	<i>V</i>		6				0012345678910	0123456789
18	17137052	Nguyễn Tấn Phúc	DH17NL	<i>Phuc</i>		6,8	5,3	4,8	5,3	0012345678910	0123456789
19	17137056	Đàm Minh Quang	DH17NL	<i>Quang</i>		7,1	4,8	4,8	4,7	0012345678910	0123456789
20	17137057	Trần Văn Quang	DH17NL	<i>Quang</i>		5,2	4,0	5,0	4,8	0012345678910	0123456789
21	17137055	Nguyễn Nhật Quân	DH17NL	<i>Quan</i>		6,0	5,5	6,5	6,2	0012345678910	0123456789
22	17137058	Ngô Thánh Quí	DH17NL	<i>Qua</i>		7,3	4,8	8,3	7,4	0012345678910	0123456789
23	17137059	Phan Thị Thảo Quyên	DH17NL	<i>Phan</i>		8,1	3,0	7,8	6,9	0012345678910	0123456789
24	17137060	Trần Ngọc Sơn	DH17NL	<i>Son</i>		8,0	7,8	8,8	8,4	0012345678910	0123456789
25	17137061	Mai Trí Tài	DH17NL	<i>Tai</i>		6,4	4,0	8,5	7,2	0012345678910	0123456789
26	14154049	Hoàng Ngọc Tấn	DH14OT	<i>Tan</i>		6,2	4,4	6,5	6,0	0012345678910	0123456789
27	17137062	Lê Thị Cẩm Thạch	DH17NL	<i>Thach</i>		8,0	8,0	7,3	7,6	0012345678910	0123456789
28	17137063	Võ Anh Thi	DH17NL	<i>Thi</i>		7,8	9,0	5,5	6,7	0012345678910	0123456789
29	17137064	Đỗ Duy Thiện	DH17NL	<i>Thien</i>		7,6	8,0	7,5	7,6	0012345678910	0123456789
30	17137065	Ngô Văn Thịnh	DH17NL	<i>Thinh</i>		7,5	6,8	8,3	7,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02640



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Hình học hình- vẽ kỹ thuật (207108) - 002_DH17NL_01 Số Tin Ch 3

Ngày Thi 30/01/2018 Giờ Thi: 07:00 Phòng Thi PV400A Giảng viên: Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Lớp DH14GN (Thiết kế đồ gỗ nội thất) Trung 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	14115247	Trần Thị Cẩm Thùy	DH14GN			5,5	4,5	5,3	4,4	0012345678910	0123456789
32	17137067	Nguyễn Công Thúc	DH17NL			6,8	3,3	6,3	5,8	0012345678910	0123456789
33	17137068	Trần Hữu Tín	DH17NL			5,6	0,8	2,3	2,7	0012345678910	0123456789
34	17137070	Hồ Thị Đài Trang	DH17NL			7,8	5,5	7,0	6,9	0012345678910	0123456789
35	17137071	Trần Thùy Trang	DH17NL			8,0	9,0	8,0	8,2	0012345678910	0123456789
36	17137072	Nguyễn Hoàng Anh Tri	DH17NL			4,8	4,0	4,0	4,8	0012345678910	0123456789
37	17137073	Nguyễn Hải Triều	DH17NL			7,6	6,8	5,3	6,4	0012345678910	0123456789
38	17137074	Lê Phước Trọng	DH17NL			7,9	8,0	8,8	8,5	0012345678910	0123456789
39	17137075	Lê Khắc Trung	DH17NL			3,0	2,0	5,0	4,0	0012345678910	0123456789
40	17137076	Trần Hoàng Tú	DH17NL			6,5	4,8	6,3	5,4	0012345678910	0123456789
41	17137077	Nguyễn Hoài Vũ	DH17NL			8,0	4,0	8,8	7,1	0012345678910	0123456789
42	17137079	Nguyễn An Hoàng Vương	DH17NL			7,7	4,8	7,5	6,4	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 39. Số sinh viên vắng: 3.

Ngày 30 Tháng 1 Năm 2018

Cán bộ coi thi 1

N.V. Kiệp

Cán bộ coi thi 2

Lê Khắc Trung

Xác nhận của Bộ Môn

Đặng Xuân Dũng

Cán Bộ Chấm Thi 1

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Cán Bộ Chấm Thi 2



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm **Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật (207108) - 001_DHI7CKC_06** Số Tín Ch **3**

Ngày Thi **15/01/2018** Giờ Thi: **12:15** Phòng Thi **RD402** Giảng viên: **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Lớp **DHI7CKC (Công nghệ cơ khí chất lượng cao)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	17118156	Nguyễn Thành Biên	DHI7CKC	<i>Biên</i>		8,5	9,5	9,3	9,2	0012345678910	0123456789
2	17118157	Nguyễn Thành Đô	DHI7CKC	<i>Đô</i>		6,5	5,4	4,8	5,3	0012345678910	0123456789
3	17118160	Trần Á Đông	DHI7CKC	<i>Đông</i>		3,6	2,2	6,0	4,8	0012345678910	0123456789
4	17118158	Đặng Thành Hiếu	DHI7CKC	<i>Hiếu</i>		7,1	9,0	6,0	6,8	0012345678910	0123456789
5	17118162	Lê Trung Hiếu	DHI7CKC	<i>Hiếu</i>		6,0	4,8	3,5	4,3	0012345678910	0123456789
6	17118164	Lê Gia Hoàng	DHI7CKC	<i>Hoàng</i>		4,5	1,8	7,5	5,8	0012345678910	0123456789
7	17118161	Lê Minh Hoàng	DHI7CKC	<i>Hoàng</i>		4,1	3,0	8,5	6,5	0012345678910	0123456789
8	17118165	Nguyễn Minh Huy	DHI7CKC	<i>Huy</i>		6,0	4,5	5,0	5,1	0012345678910	0123456789
9	17118167	Huỳnh Văn Khang	DHI7CKC	<i>Khang</i>		6,0	2,2	6,0	5,2	0012345678910	0123456789
10	17115069	Đặng Xuân Minh	DHI7CKC	<i>Minh</i>		4,1	1,7	6,0	4,8	0012345678910	0123456789
11	17118155	Đặng Anh Phương	DHI7CKC	<i>Phương</i>		9	8,0	6,5	5,5	0012345678910	0123456789
12	17118146	Lê Nguyễn Mai Phương	DHI7CKC	<i>Phương</i>		7,5	2,5	6,0	5,6	0012345678910	0123456789
13	17118149	Phạm Nguyễn Minh Tiến	DHI7CKC	<i>Tiến</i>		5,8	1,7	5,0	4,5	0012345678910	0123456789
14	17118152	Lâm Gia Tuấn	DHI7CKC	<i>Tuấn</i>		6,3	2,3	4,8	4,6	0012345678910	0123456789
15	17118150	Nguyễn Thái Vĩ	DHI7CKC	<i>Vĩ</i>		7,0	1,9	6,3	5,6	0012345678910	0123456789



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/ Nhóm **Kỹ thuật điện (207109) - 001_DH16TD_01**

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 17/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi HD204

Giảng viên: Nguyễn Thanh Dũng

Lớp **DH16TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16138001	Cáp Ngọc An	DH16TD			8.5	8.0	4.5	6.4	0012345678910	0123456789
2	16138011	Tồn Thế Anh	DH16CC			8.5	7.5	3.0	5.5	0012345678910	0123456789
3	16138003	Nguyễn Tiểu Bang	DH16TD			9.0	8.5	9.75	9.2	0012345678910	0123456789
4	16138007	Huỳnh Thái Bảo	DH16TD			8.5	8.0	9.0	8.6	0012345678910	0123456789
5	14154005	Nông Chí Bảo	DH14OT			8.5	7.0	5.5	6.6	0012345678910	0123456789
6	16138004	Lê Kim Bằng	DH16TD			9.0	8.5	10.0	9.4	0012345678910	0123456789
7	16138008	Nguyễn Hoàng Bửu	DH16TD			8.5	8.0	7.0	7.6	0012345678910	0123456789
8	16138010	Nguyễn Minh Cường	DH16TD			8.5	7.5	6.5	7.2	0012345678910	0123456789
9	16138011	Nguyễn Quang Cường	DH16TD			8.5	7.5	5.5	6.7	0012345678910	0123456789
10	16138013	Nguyễn Tấn Danh	DH16TD			8.5	7.5	4.25	6.1	0012345678910	0123456789
11	16138023	Nguyễn Minh Dũng	DH16TD			9.0	9.5	9.75	9.5	0012345678910	0123456789
12	16138024	Nguyễn Thanh Dũng	DH16TD			8.5	6.5	8.0	7.7	0012345678910	0123456789
13	16138025	Trần Phúc Dũng	DH16TD			8.5	8.5	10.0	9.3	0012345678910	0123456789
14	16138016	Nguyễn Gia Đạt	DH16TD			8.5	8.0	10.0	9.1	0012345678910	0123456789
15	14118139	Phạm Thành Đạt	DH14CC			8.5	9.5	5.0	7.1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02643

Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/ Nhóm Kỹ thuật điện (207109) - 001_DH16TD_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 17/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi HD204

Giảng viên: Nguyễn Thanh Dũng

Lớp DH15TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	15138013	Phạm Thành Đạt	DH15TD	✓		4.0	7.5	0.0	3.1	00012345678910	0123456789
17	16138017	Vũ Văn Đạt	DH16TD	Đạt		8.5	9.5	5.0	7.1	00012345678910	0123456789
18	14154013	Trương Nhật Điện	DH14OT	✓		4.0	8.0	0.0	3.2	00012345678910	0123456789
19	16138019	Lê Trương Công Định	DH16TD	Định		8.5	6.0	2.0	4.5	00012345678910	0123456789
20	15118017	Đoàn Ngọc Đồng	DH15CK	Đồng		8.5	7.5	10.0	9.0	00012345678910	0123456789
21	16154019	Cao Văn Đồng	DH16OT	Đồng		8.5	5.5	6.5	6.6	00012345678910	0123456789
22	16115225	Lê Huỳnh Đức	DH16GB	Đức		8.5	7.5	4.5	6.2	00012345678910	0123456789
23	16138021	Nguyễn Chí Đức	DH16TD	Đức		8.5	6.5	9.75	8.5	00012345678910	0123456789
24	16138026	Lại Hoàng Giang	DH16TD	Giang		8.5	7.5	8.0	8.0	00012345678910	0123456789
25	16138027	Lê Hoàng Giang	DH16TD	Giang		8.5	8.0	4.5	6.4	00012345678910	0123456789
26	16118046	Nguyễn Ngọc Hải	DH16CC	Hải		8.5	7.5	6.5	7.2	00012345678910	0123456789
27	16138029	Lê Nhật Hào	DH16TD	Hào		8.5	6.5	9.5	8.4	00012345678910	0123456789
28	16138030	Nguyễn Văn Hào	DH16TD	Hào		8.5	8.0	9.75	8.7	00012345678910	0123456789
29	16154029	Trần Sĩ Hào	DH16OT	✓		0	0	0	0	00012345678910	0123456789
30	16138031	Nguyễn Thị Tú Hào	DH16TD	Hào		8.5	6.5	6.0	6.7	00012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02643



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật điện (207109) - 001_DH16TD_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 17/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi HD204

Giảng viên: Nguyễn Thanh Dũng

Lớp DH16TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lư
31	16138033	Ngô Đăng Hiệp	DH16TD	<i>Hiệp</i>		8.5	7.5	9.0	8.5	0012345678910	0123456789
32	16138035	Lý Minh Hoàng	DH16TD	<i>Hoàng</i>		8.5	7.5	7.25	7.6	0012345678910	0123456789
33	16138039	Phạm Văn Hùng	DH16TD	<i>Hùng</i>		9.0	8.0	10.0	9.2	0012345678910	0123456789
34	16154044	Chu Phúc Huy	DH16OT	<i>Huy</i>		8.5	6.5	4.0	5.7	0012345678910	0123456789
35	16138046	Đỗ Trọng Khang	DH16TD	✓		4.0	6.0	0.0	2.6	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 31. Số sinh viên vắng: 4.

Ngày 1 Tháng 2 Năm 2018

Cán bộ coi thi 1

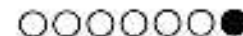
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

*Nguyễn Thanh Dũng**Nguyễn Thanh Dũng*
*Lê Văn Tuấn**TS. Lê Văn Tuấn**Nguyễn Thanh Dũng*



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm **Kỹ thuật điện (207109) - 002_DH16TD_01**

Số Tín Ch: 2

Ngày Thi 17/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD202

Giảng viên: Nguyễn Thanh Đông

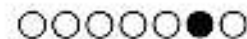
Lớp **DH16TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	16138048	K'Pa Krim	DH16TD	<i>Krim</i>		8.5	2.5	6.5	7.2	0012345678910	0123456789
2	16138051	Đương Thị Mỹ	DH16TD	<i>Linh</i>		8.5	8.5	8.75	8.6	0012345678910	0123456789
3	16137047	Huỳnh Ngọc	DH16NL	<i>Ngoc</i>		9.0	8.0	10.0	9.2	0012345678910	0123456789
4	16138056	Nguyễn Mai	DH16TD	<i>Mai</i>		8.5	6.5	7.5	7.4	0012345678910	0123456789
5	16138059	Võ Hoàng	DH16TD	<i>nam</i>		9.0	9.5	10.0	9.7	0012345678910	0123456789
6	16138060	Phạm Hoài	DH16TD	<i>Hoai</i>		8.5	6.5	4.5	5.9	0012345678910	0123456789
7	15118080	Lê Nguyễn Vinh	DH15CK	<i>Phu</i>		8.5	6.5	3.0	5.2	0012345678910	0123456789
8	16138067	Trần Văn	DH16TD	<i>Phu</i>		8.5	6.0	3.0	5.0	0012345678910	0123456789
9	16118129	Nguyễn Văn	DH16CC	<i>Phu</i>		8.5	6.5	2.25	7.3	0012345678910	0123456789
10	16138071	Trần Phước	DH16TD	<i>Phu</i>		8.5	7.5	10.0	9.0	0012345678910	0123456789
11	16118132	Huỳnh Sơn	DH16CC	<i>Son</i>		8.5	8.0	6.0	7.1	0012345678910	0123456789
12	16118137	Dương Văn	DH16CC	<i>Phu</i>		8.5	7.5	8.0	8.0	0012345678910	0123456789
13	14137064	Lê Nguyễn Minh	DH14NL	<i>Minh</i>		8.5	7.5	7.0	7.5	0012345678910	0123456789
14	13118047	Phạm Minh	DH13CK	<i>Minh</i>		8.5	6.5	2.5	4.9	0012345678910	0123456789
15	16138073	Nguyễn Ngọc	DH16TD	<i>Ngoc</i>		8.5	8.0	7.0	7.6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02644



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/ Nhóm **Kỹ thuật điện (207109) - 002_DH16TD_01**

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 17/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD202

Giảng viên: Nguyễn Thanh Đông

Lớp **DH150T (Công nghệ kỹ thuật ô tô)**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 30%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	15154051	Nguyễn Duy Thái	DH150T			9.0	8.5	10.0	9.4	0012345678910	0123456789
17	16138077	Đỗ Hữu Thành	DH16TD			8.5	8.0	9.0	8.6	0012345678910	0123456789
18	16138075	Nguyễn Sơn Thắng	DH16TD			8.5	8.0	7.0	7.6	0012345678910	0123456789
19	16138081	Đặng Anh Thông	DH16TD			8.5	7.5	8.0	8.0	0012345678910	0123456789
20	16138083	Trần Nguyễn Quốc Tiến	DH16TD			9.0	8.0	10.0	9.2	0012345678910	0123456789
21	16118160	Lê Bá Toàn	DH16CC			8.5	8.0	10.0	9.1	0012345678910	0123456789
22	13137151	Lê Minh Trí	DH13NL			8.5	6.5	7.0	7.2	0012345678910	0123456789
23	16118162	Ngô Khắc Triệu	DH16TD			9.0	8.5	10.0	9.4	0012345678910	0123456789
24	16154107	Trần Quang Tuấn	DH16OT			8.5	5.5	6.0	6.4	0012345678910	0123456789
25	16138093	Trần Quốc Việt	DH16TD			8.0	7.5	0.5	4.1	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 25 Số sinh viên vắng: 0Ngày 1 Tháng 2 Năm 2018

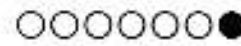
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm: Kỹ thuật điện (207109) - 001_DH16CK_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 16/01/2018

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi HD305

Giảng viên: Nguyễn Thanh Dũng

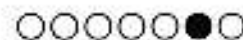
Lớp DH16CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	16118010	Đình Quốc Ân	DH16CK			8.5	7.5	4.25	6.1	0012345678910	0123456789
2	16118014	Lê Văn Bảo	DH16CK			8.5	9.5	5.75	7.4	0012345678910	0123456789
3	16118015	Nguyễn Quốc Bảo	DH16CK			9.0	7.5	8.0	8.1	0012345678910	0123456789
4	16118016	Tăng Duy Bảo	DH16CK			8.5	7.5	7.0	7.5	0012345678910	0123456789
5	16118019	Nguyễn Tuấn Châu	DH16CC			8.5	8.5	3.5	6.0	0012345678910	0123456789
6	16118023	Huỳnh Trung Cường	DH16CK			8.5	6.0	5.0	6.0	0012345678910	0123456789
7	16118025	Nguyễn Chân Chí	DH16CK			8.5	6.5	1.75	4.3	0012345678910	0123456789
8	16118026	Tổng Mạnh Cường	DH16CK			8.5	6.0	5.25	6.1	0012345678910	0123456789
9	16118035	Phạm Anh Dũng	DH16CK			8.5	7.5	2.25	5.1	0012345678910	0123456789
10	14137016	Trần Thanh Duy	DH14NL			8.5	6.5	6.0	6.7	0012345678910	0123456789
11	16118029	Văn Phú Đạt	DH16CK			8.5	6.5	7.75	7.5	0012345678910	0123456789
12	16118047	Nguyễn Văn Hạnh	DH16CK		✓	0	0	0	0	0012345678910	0123456789
13	16118049	Nguyễn Văn Hào	DH16CK			8.5	6.5	1.5	4.4	0012345678910	0123456789
14	16154028	Trần Nhật Hào	DH16OT			8.5	6.0	5.5	6.3	0012345678910	0123456789
15	16118052	Hồ Sông Hậu	DH16CK			9.0	7.5	5.0	6.6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02641



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm **Kỹ thuật điện (207109) - 001_DH16CK_02**

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 16/01/2018

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi HD305

Giảng viên: Nguyễn Thanh Dũng

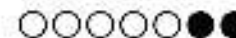
Lớp DH16CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	16118053	Trần Thanh Hậu	DH16CK	<i>Hau</i>		8.5	8.5	9.0	8.8	0012345678910	0123456789
17	15138026	Ngô Văn Hoàn	DH15TD	<i>Hoàn</i>		9.5	8.5	3.5	6.2	0012345678910	0123456789
18	16118065	Phạm Tuấn Huy	DH16CK	<i>Huy</i>		8.5	6.0	4.0	5.5	0012345678910	0123456789
19	16138043	Trần Đức Huy	DH16TD	<i>Huy</i>		6.5	5.5	8.0	7.0	0012345678910	0123456789
20	16118082	Nguyễn Xuân Lâm	DH16CC	<i>Lâm</i>		8.5	9.5	7.5	8.3	0012345678910	0123456789
21	16118085	Trần Vũ Linh	DH16CK	<i>Linh</i>		8.5	7.5	4.25	6.1	0012345678910	0123456789
22	16118086	Nguyễn Đại Lộ	DH16CC	<i>Lộ</i>		8.5	6.5	7.0	7.2	0012345678910	0123456789
23	16118095	Nguyễn Thánh Luyện	DH16CK	<i>Luyện</i>		8.5	6.5	8.0	7.7	0012345678910	0123456789
24	16118098	Nguyễn Bình Trí	DH16CK	<i>Trí</i>		8.5	7.5	6.5	7.2	0012345678910	0123456789
25	16118102	Phạm Nhật Minh	DH16CK	<i>Minh</i>		6.5	6.5	5.0	5.8	0012345678910	0123456789
26	16118104	Đào Xuân Nguyên	DH16CK	<i>Nguyên</i>		8.5	7.5	9.5	8.7	0012345678910	0123456789
27	16138062	Nguyễn Đình Trục	DH16TD	<i>Trục</i>		8.5	5.0	2.5	4.5	0012345678910	0123456789
28	14138021	Trần Duy Nhân	DH14TD	<i>Nhan</i>		5.0	7.5	10.0	8.3	0012345678910	0123456789
29	16118115	Ngô Thanh Phong	DH16CK	<i>Phong</i>		8.5	5.5	3.0	4.9	0012345678910	0123456789
30	16118122	Ngô Văn Nu Phương	DH16CC	<i>Phuong</i>		8.5	9.5	7.5	8.3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02641



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học Nhóm Kỹ thuật điện (207109) - 001_DH16CK_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 16/01/2018

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi HD305

Giảng viên: Nguyễn Thanh Dũng

Lớp

DH16TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	16138069	Nguyễn Minh Quang	DH16TD			8.5	6.5	3.0	5.2	0001234567890	0123456789
32	14154044	Diễn Quyết	DH14OT		✓	0	0	0	0	0001234567890	0123456789
33	16118130	Bùi Thanh Sang	DH16CK			8.5	8.0	6.0	7.1	0001234567890	0123456789
34	15138054	Trang Minh Sáng	DH15TD			9.0	8.0	5.0	6.7	0001234567890	0123456789
35	16154083	Nguyễn Xuân Sinh	DH16OT			6.5	6.0	7.0	6.6	0001234567890	0123456789

Số sinh viên dự thi: 33. Số sinh viên vắng: 2.

Ngày 1 Tháng 2 Năm 2018

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

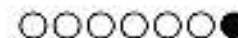
Cán Bộ Chấm Thi 2

 Nguyễn Thanh Dũng

 Phan Đình Hiền

 TS. Vương Hồng Tiến

 Nguyễn Thanh Dũng



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật điện (207109) - 002_DH16CK_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 16/01/2018

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi RD202

Giảng viên: Nguyễn Thanh Dũng

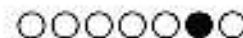
Lớp DH16CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 30 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	16118136	Trần Văn Sự	DH16CK			8.5	7.5	9.0	8.5	00012345678910	00123456789
2	14154139	Lê Tấn Tài	DH14OT			8.5	8.0	3.5	5.9	00012345678910	00123456789
3	16118138	Nguyễn Anh Tài	DH16CK			6.5	6.0	3.5	4.9	00012345678910	00123456789
4	16118141	Lưu Văn Tấn	DH16CK			6.5	6.5	3.0	4.8	00012345678910	00123456789
5	16138076	Trần Đình Thanh	DH16TD			8.5	6.5	8.0	7.7	00012345678910	00123456789
6	16118146	Hoàng Văn Thành	DH16CC			8.5	8.0	6.5	7.4	00012345678910	00123456789
7	13137131	Lê Hoàng Thắng	DH13NL			8.5	6.5	10.0	8.7	00012345678910	00123456789
8	16118144	Nguyễn Minh Thắng	DH16CK			6.5	5.0	9.0	7.3	00012345678910	00123456789
9	16138079	Lê Thế	DH16TD			8.5	6.5	7.0	7.2	00012345678910	00123456789
10	16118152	Đặng Thị Hòa	DH16CC			8.5	7.5	5.0	6.5	00012345678910	00123456789
11	16137081	Võ Ngọc Thương	DH16NL			8.5	6.5	5.0	6.2	00012345678910	00123456789
12	16118154	Lê Xuân Tiên	DH16CK			8.5	7.5	3.0	5.5	00012345678910	00123456789
13	16118155	Nguyễn Hữu Tiên	DH16CK			8.5	6.0	0.5	3.8	00012345678910	00123456789
14	13115422	Lê Văn Công	DH13CB			0.0	5.5	5.5	4.4	00012345678910	00123456789
15	16118165	Đinh Văn Tú	DH16CK			8.5	7.5	7.5	7.7	00012345678910	00123456789



Mã nhận dạng 02642



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật điện (207109) - 002_DH16CK_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 16/01/2018

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi RD202

Giảng viên: Nguyễn Thanh Dũng

Lớp DH16CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	15118122	Nguyễn Ngọc Tú	DH16CK	✓		0	0	0	0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	16137092	Phan Văn Tú	DH16NL	Jul		8.5	6.5	2.5	4.9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	16118170	Vô Tường	DH16CC	Đ		8.5	6.5	7.5	7.4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	16118179	Nguyễn Minh Vương	DH16CK	W		8.5	5.5	6.5	6.6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	16118180	Vô Quang Vy	DH16CK	QF		8.5	7.5	5.0	6.5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	15138073	Nguyễn Hoàng Xuyên	DH15TD	X		4.0	0.0	3.5	2.6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số sinh viên dự thi: 20. Số sinh viên vắng: 01

Ngày 1 Tháng 2 Năm 2018

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngô Võ Ngọc Thạch

Nguyễn Văn Tuấn

TS. Nguyễn Thanh Dũng

Nguyễn Thanh Dũng



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm: Nguyên lý máy (207111) - 001_DH16CD_01

Số Tin Ch: 2

Ngày Thi: 22/01/2018

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi: TV302

Giảng viên: Vương Thành Tiên

Lớp: DH16OT (Công nghệ kỹ thuật ôtô)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 15%	D2 15%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16154002	Lê Thành An	DH16OT	An		1,0	1,0	7,0	9,0	0012345678910	0123456789
2	16154004	Trần Quốc An	DH16OT	An		1,5	1,0	7,0	9,5	0012345678910	0123456789
3	16153001	Phạm Hoàn Ân	DH16CD	Ph		1,0	0,25	3,25	5,0	0012345678910	0123456789
4	16153004	Dư Tiến Công	DH16CD	Chu		1,5	0,8	5,0	7,3	0012345678910	0123456789
5	16118027	Trần Mẫn Dân	DH16CC	Dan		1,5	1,3	4,5	7,3	0012345678910	0123456789
6	16115255	Nguyễn Thị Dịu	DH16GN	Th		1,5	1,0	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
7	16153014	Lê Văn Dự	DH16CD	du		1,5	1,0	4,0	6,5	0012345678910	0123456789
8	16137011	Nguyễn Chí Đại	DH16NL	Da		1,5	0,5	1,0	3,0	0012345678910	0123456789
9	16154019	Cao Văn Dũng	DH16OT	Dung		1,5	1,0	6,5	9,0	0012345678910	0123456789
10	16154025	Trương Hoàng Giang	DH16OT	Giang		1,5	1,0	6,8	9,3	0012345678910	0123456789
11	16153020	Lê Kim Hải	DH16CD							0012345678910	0123456789
12	16153021	Nguyễn Nhật Hải	DH16CD	Ha		1,5	0,5	4,0	6,0	0012345678910	0123456789
13	16154030	Yên Quốc Hào	DH16OT	Ho		1,5	1,0	7,0	9,5	0012345678910	0123456789
14	16115251	Lê Thị Thùy Hằng	DH16CB	Thuyll		1,5	1,0	3,5	6,0	0012345678910	0123456789
15	16153025	Lê Hoà Hiệp	DH16CD	Hiep		1,5	1,0	3,0	5,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02653

Trang 2/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Nguyên lý máy (207111) - 001_DH16CD_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 22/01/2018

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi TV302

Giảng viên: Vương Thành Tiên

Lớp DH16CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 15%	D2 15%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	16153026	Cao Đình Hiếu	DH16CD			1,5	0,8	2,5	4,8	0012345678910	0123456789
17	16153027	Hàn Tấn Hiếu	DH16CD			1,5	1,25	5,25	8,5	0012345678910	0123456789
18	16154037	Trương Đức Hiếu	DH16OT			1,5	1,0	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
19	13153109	Nguyễn Tấn Hồng	DH13CD			1,0	1,0	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
20	16153034	Nguyễn Mạnh Hùng	DH16CD			1,5	0,8	0,5	2,8	0012345678910	0123456789
21	16115067	Đặng Quang Huy	DH16CB			1,5	0,8	2,0	4,3	0012345678910	0123456789
22	16154046	Huỳnh Nhật Huy	DH16OT			1,5	1,5	6,8	9,8	0012345678910	0123456789
23	16154049	Nông Đình Huy	DH16OT			1,5	1,0	6,5	9,0	0012345678910	0123456789
24	16137034	Nguyễn Nhò Hưng	DH16NL			0,5	0,5	1,0	2,0	0012345678910	0123456789
25	16154043	Trần Tấn Hưng	DH16OT			1,5	1,3	7,0	9,8	0012345678910	0123456789
26	15137071	Nguyễn Duy Khanh	DH15NL			1,5	0,5	0,0	2,0	0012345678910	0123456789
27	16115076	Trần Duy Khánh	DH16CB			0,5	0,0	2,3	2,8	0012345678910	0123456789
28	13118201	Nguyễn Tấn Lộc	DH13CK			1,5	1,0	5,0	7,5	0012345678910	0123456789
29	16115096	Ngô Văn Lương	DH16CB			2,0	0,0	1,0	2,0	0012345678910	0123456789
30	16115106	Đặng Văn Nam	DH16GB			1,0	0,3	1,0	2,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02653



Trang 3/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Nguyên lý máy (207111) - 001_DH16CD_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 22/01/2018

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi TV302

Giảng viên: Vương Thành Tiên

Lớp DH16CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

80%

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 15%	D2 15%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lt
31	16153060	Lê Nguyễn Ngọc	DH16CD			1,5	1,3	6,5	9,3	0012345678910	0123456789
32	16118107	Huỳnh Hữu Nhân	DH16CC			1,5	1,0	2,3	4,8	0012345678910	0123456789
33	16137054	Nguyễn Thanh Nhân	DH16NL			1,5	1,0	5,5	8,0	0012345678910	0123456789
34	13137103	Nguyễn Tăng Phát	DH13NL							0012345678910	0123456789
35	16153063	Nguyễn Hoài Phong	DH16CD			1,5	1,3	6,5	9,3	0012345678910	0123456789
36	16154073	Bùi Duy Phương	DH16OT			1,5	1,3	6,5	9,3	0012345678910	0123456789
37	16118122	Ngô Văn Nu	DH16CC			1,5	0,75	4,75	7,0	0012345678910	0123456789
38	16153067	Hoàng Lê Minh Quân	DH16CD			1,5	0,5	3,8	5,8	0012345678910	0123456789
39	16153068	Lê Quốc Quí	DH16CD			1,5	1,0	6,0	8,5	0012345678910	0123456789
40	13118045	Nguyễn Văn Sang	DH13CK							0012345678910	0123456789
41	16154084	Trần Khắc Sinh	DH16OT			1,5	1,3	7,0	9,8	0012345678910	0123456789
42	16153076	Nguyễn Quốc Tâm	DH16CD			1,5	1,0	3,0	5,5	0012345678910	0123456789
43	16153080	Phạm Đình Thái	DH16CD			1,5	1,0	4,5	7,0	0012345678910	0123456789
44	16154089	Hồ Lê Quốc Thanh	DH16OT			1,5	0,8	2,0	4,3	0012345678910	0123456789
45	16153082	Tô Thanh	DH16CD			1,5	1,0	4,5	4,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02653



Trang 4/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/ Nhóm Nguyên lý máy (207111) - 001_DH16CD_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 22/01/2018

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi TV302

Giảng viên: Vương Thành Tiên

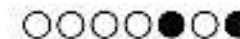
Lớp DH16CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 15%	D2 15%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	16118143	Hà Văn Thắng	DH16CC			1,5	1,0	1,0	3,5	0012345678910	0123456789
47	14118256	Nguyễn Quốc	DH14CC			1,0	0,5	4,0	5,5	0012345678910	0123456789
48	16115158	Vô Hồng	DH16CB			1,5	1,0	5,8	8,3	0012345678910	0123456789
49	16153087	Nguyễn Ngọc	DH16CD							0012345678910	0123456789
50	13115393	Lê Văn	DH13CB			1,5	1,0	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
51	16115169	Đinh Anh	DH16GB							0012345678910	0123456789
52	13115116	Nguyễn Hoàng	DH13GB							0012345678910	0123456789
53	16153091	Phạm Thị Cát	DH16CD			1,5	1,0	5,0	7,5	0012345678910	0123456789
54	13137146	Đinh Thanh	DH13NL			1,5	0,8	2,5	4,8	0012345678910	0123456789
55	16115183	Lương Minh	DH16CB							0012345678910	0123456789
56	13334219	Nguyễn Văn	CD13CI							0012345678910	0123456789
57	16153096	Huỳnh Văn	DH16CD			1,5	1,25	5,25	8,5	0012345678910	0123456789
58	16115191	Đỗ Ngọc	DH16GB			1,0	0,5	2,5	4,0	0012345678910	0123456789
59	16154107	Trần Quang	DH16OT			1,5	1,0	3,0	5,5	0012345678910	0123456789
60	16115205	Trần Thị Thanh	DH16CB			1,5	1,0	4,5	7,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02653



Trang 5/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Nguyên lý máy (207111) - 001_DH16CD_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 22/01/2018

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi TV302

Giảng viên: Vương Thành Tiên

Lớp DH16CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

ĐBZ

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 15%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
61	16153104	Trần Xuân Viễn	DH16CD			1,5	1,0	0,5	3,0	0012345678910	0123456789
62	16153108	Huỳnh Tấn Vũ	DH16CD			1,5	0,8	0,5	2,8	0012345678910	0123456789
63	16115208	Lý Tuấn Vũ	DH16CB			1,5	1,0	0,5	3,0	0012345678910	0123456789
64	16153110	Nguyễn Đình Tuấn	DH16CD			1,5	1,25	4,25	7,0	0012345678910	0123456789
65	16137105	Nguyễn Hữu Anh	DH16NL			1,5	0,8	2,5	4,8	0012345678910	0123456789
66	16115211	Nguyễn Thị Thủy	DH16CB			1,5	1,0	6,0	8,5	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 58. Số sinh viên vắng: 8

Ngày ____ Tháng 02 Năm 2018

Ban bộ coi thi 1

Ban bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Ban Bộ Chấm Thi 1

Ban Bộ Chấm Thi 2

TS. Vương Thành Tiên

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Nguyên lý máy (207111) - 001 DH16NL 03

Số Tín Ch. 2

Ngày Thi 22/01/2018

Giờ Thi: 14:45

Phỏng Thi TV301

Giảng viên: Vương Thành Tiên

Lốp **DH16CC** (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 15%	D2 15%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	16118009	Nguyễn Thái An	DH16CC	An		1,0	1,0	2,0	4,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	16118015	Nguyễn Quốc Bảo	DH16CK	Bao		1,5	1,0	3,8	6,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	16137003	Lê Văn Bình	DH16NL	Wb		1,5	1,0	2,5	5,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	15115011	Lê Thị Như Ca	DH15GN	LC		1,5	1,0	1,5	4,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	16154011	Huỳnh Hữu Cường	DH16OT	Cuong		1,5	1,0	6,5	9,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	16137008	Nguyễn Tuấn Cường	DH16NL	Cu		1,5	1,0	3,0	5,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	15115017	Trương Nguyễn Thái Danh	DH15GN	TD		0,5	0,0	1,3	1,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	16137019	Nguyễn Vũ Hoài Dương	DH16NL	WHD		1,5	1,0	1,0	3,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	15118015	Nguyễn Quốc Đạt	DH15CK	Dat		1,5	1,0	1,5	4,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	12115227	Nguyễn Viết Đạt	DH12GN	VD		1,5	1,0	1,5	4,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	13118113	Phạm Thành Đạt	DH13CC	DT (Cánh thép)						○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	16118029	Vân Phú	DH16CK	VP		1,5	1,0	3,0	5,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	16137014	Đào Dân	DH16NL	DD		1,5	1,0	1,5	4,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	16137023	Võ Khắc Ghi	DH16NL	GH		1,5	0,75	3,75	6,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	16137024	Tạ Trường Giang	DH16NL	TG		1,5	1,0	4,5	7,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 02656



Trang 2/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Nguyên lý máy (207111) - 001_DH16NL_03

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 22/01/2018

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi TV301

Giảng viên: Vương Thành Tiên

Lớp DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

202

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 15%	D2 15%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	14118021	Đỗ Kỳ Hà	DH14CC	V						0012345678910	0123456789
17	16118053	Trần Thanh Hậu	DH16CK	Hau		1,5	0,25	5,25	7,5	0012345678910	0123456789
18	15153025	Nguyễn Minh Hiếu	DH15CD	Hu		1,5	0,8	2,0	4,3	0012345678910	0123456789
19	16137030	Võ Trung Hiếu	DH16NL	Hu		1,5	0,25	1,25	4,0	0012345678910	0123456789
20	16137037	Nguyễn Đức Huy	DH16NL	Huy		1,5	0,5	5,0	7,0	0012345678910	0123456789
21	16137039	Lê Hoàng Khang	DH16NL	Huong		1,5	1,0	6,5	9,0	0012345678910	0123456789
22	14118185	Hoàng Nguyễn Anh Khoa	DH14CK	Khoa		1,5	0,8	0,0	2,3	0012345678910	0123456789
23	16137043	Nguyễn Tuấn Kiệt	DH16NL	Kiet		1,5	1,3	6,5	9,3	0012345678910	0123456789
24	15154028	Trịnh Ngọc Anh Kiệt	DH15OT	Kiet		1,5	0,25	1,25	4,0	0012345678910	0123456789
25	16154055	Y-##Ng	DH16OT	Ng		1,5	1,0	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
26	16137045	Nguyễn Đình Kỳ	DH16NL	Ky		1,0	1,0	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
27	16137046	Lê Quang Lanh	DH16NL	Lanh		1,5	1,0	1,8	4,3	0012345678910	0123456789
28	15118055	Lê Thanh Long	DH15CK	Long		1,5	1,0	3,0	5,5	0012345678910	0123456789
29	14154032	Nguyễn Văn Hoàng Long	DH14OT	V						0012345678910	0123456789
30	13115271	Dặng Hoàng Lương	DH13CB	V						0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02656



Trang 3/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm: Nguyên lý máy (207111) - 001_DH16NL_03

Số Tín Ch: 2

Ngày Thi: 22/01/2018

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi: TV301

Giảng viên: Vương Thành Tiên

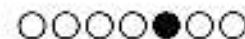
Lớp: DH16CB (Chế biến lâm sản)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 15%	D2 15%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	16115101	Nguyễn Hữu Mạnh	DH16CB			1,5	1,0	3,5	6,0	0012345678910	0123456789
32	16118108	Ngô Quang Đình Nhân	DH16CC			1,5	1,0	3,0	5,5	0012345678910	0123456789
33	15118081	Trương Văn Phúc	DH15CK			1,5	1,0	3,0	5,5	0012345678910	0123456789
34	12138127	Phan Thanh Quý	DH12TD	V						0012345678910	0123456789
35	16118131	Trần Bảo Sang	DH16NL			1,5	1,0	6,0	8,5	0012345678910	0123456789
36	16137066	Đổng Ngọc Sơn	DH16NL			1,5	1,0	0,5	3,0	0012345678910	0123456789
37	16137069	Đặng Chí Tâm	DH16NL			1,5	1,0	6,5	9,0	0012345678910	0123456789
38	15118093	Phạm Ngọc Tập	DH15CK			1,5	1,0	2,5	5,0	0012345678910	0123456789
39	16137072	Nguyễn Việt Thanh	DH16NL			1,0	1,0	4,0	6,0	0012345678910	0123456789
40	12153144	Lưu Thế Thắng	DH12CD	V						0012345678910	0123456789
41	14154053	Võ Hoàng Thắng	DH14OT			1,0	0,5	2,5	4,0	0012345678910	0123456789
42	16137073	Đoàn Thương Thế	DH16NL			1,5	1,5	6,5	9,0	0012345678910	0123456789
43	13153219	Tôn Thất Thiệp	DH13CD	V						0012345678910	0123456789
44	13334204	Nguyễn Hồng Thuận	CD13CI	V						0012345678910	0123456789
45	11169015	Lê Tấn Thương	DH11GN	V						0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02656



Trang 4/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Nguyên lý máy (207111) - 001_DH16NL_03

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 22/01/2018

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi TV301

Giảng viên: Vương Thành Tiên

Lớp

DH16NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

20%

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 15%	D2 15%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	16137082	Dương Anh Tiến	DH16NL			1,5	1,0	2,5	5,0	001234567890	0123456789
47	15118115	Võ Minh Tri	DH15CK			1,5	1,0	6,8	9,3	001234567890	0123456789
48	15153070	Lê Bá Trọng	DH15CD			1,5	0,75	1,75	4,0	001234567890	0123456789
49	15118117	Lý Ngọc Trọng	DH15CK			1,0	1,0	3,5	5,5	001234567890	0123456789
50	16137085	Phan Thanh Trọng	DH16NL			1,5	1,0	6,0	8,5	001234567890	0123456789
51	16137088	Trần Bảo Trung	DH16NL	V						001234567890	0123456789
52	16137089	Mai Trung Trường	DH16NL			1,5	1,0	3,3	5,8	001234567890	0123456789
53	16115193	Nguyễn Tuấn Trường	DH16GB			1,5	1,0	3,0	5,5	001234567890	0123456789
54	13137154	Nguyễn Văn Trường	DH13NL	V						001234567890	0123456789
55	16137091	Vũ Nhật Trường	DH16NL			1,0	1,0	3,8	5,8	001234567890	0123456789
56	16137093	Lê Văn Tuấn	DH16NL			1,5	1,0	4,5	7,0	001234567890	0123456789
57	16137097	Trần Quốc Tuấn	DH16NL			1,5	1,0	5,8	8,3	001234567890	0123456789
58	16137098	Vũ Trần Đăng Tuấn	DH16NL			1,5	1,0	7,0	9,5	001234567890	0123456789
59	14118090	Lê Văn Tùng	DH14CK			1,5	1,0	3,3	5,8	001234567890	0123456789
60	16137103	Cao Nguyễn Xuân Vinh	DH16NL			1,5	1,0	1,5	4,0	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 02656



Trang 5/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm: Nguyên lý máy (207111) - 001_DH16NL_03

Số Tín Ch: 2

Ngày Thi: 22/01/2018

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi: TV301

Giảng viên: Vương Thành Tiên

Lớp: DH16CB (Chế biến lâm sản)

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 15%	D2 15%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
61	16115249	Huỳnh Quang Vinh	DH16CB	Vinh		1,5	0,75	3,25	6,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	1 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số sinh viên dự thi: 59 Số sinh viên vắng: 10

Ngày ____ Tháng 02 Năm 2018

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

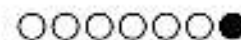
Cán Bộ Chấm Thi 2

N.V. Kiệp
N.V. Kiệp

Lê Khắc Cường
Lê Khắc Cường

Lê Văn Bành
Lê Văn Bành

T.S. Vương Thành Tiên
T.S. Vương Thành Tiên



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm: Nguyên lý máy (207111) - 001_DH16GN_04

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 22/01/2018

Giờ Thi: 14:45

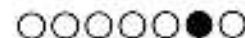
Phòng Thi TV103

Giảng viên: Vương Thành Tiên

Lớp DH16CB (Chế biến lâm sản)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 15%	Đ3 70%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16115222	Dương Trọng Anh	DH16CB							001234567890	0123456789
2	15115005	Nguyễn Hoàng Anh	DH15GN	<i>Anh</i>		1,0	0,8	2,2	4,0	001234567890	0123456789
3	16115006	Phan Đức Anh	DH16CB	<i>Anh</i>		1,5	1,0	1,5	4,0	001234567890	0123456789
4	15154005	Phạm Quốc Bảo	DH15OT	<i>Phạm</i>		1,5	1,0	6,5	9,0	001234567890	0123456789
5	13115160	Trần Thanh Cẩm	DH13GN	<i>Trần</i>		0,5	0,0	0,5	1,0	001234567890	0123456789
6	14118114	Thái Văn Chiến	DH14CC	<i>Chiến</i>		1,0	0,8	3,0	4,8	001234567890	0123456789
7	14115170	Nguyễn Thành Danh	DH14GN	<i>Danh</i>		0,5	0,8	1,0	2,3	001234567890	0123456789
8	14118012	Phạm Đăng Duy	DH14CC	<i>Phạm</i>		1,5	0,8	5,0	7,3	001234567890	0123456789
9	16115031	Lê Văn Đồng	DH16CB	<i>Lê</i>		0,5	0,5	0,3	1,3	001234567890	0123456789
10	15154017	Huỳnh Thanh Giang	DH15OT	<i>Huỳnh</i>		1,5	0,8	4,0	6,3	001234567890	0123456789
11	13154098	Lê Trường Giang	DH13OT	<i>Lê</i>		1,5	0,0	0,8	2,3	001234567890	0123456789
12	16114346	Trần Thị Hồng Hạ	DH16GN	<i>Trần</i>		1,5	1,0	6,5	9,0	001234567890	0123456789
13	16118045	Đào Văn Hải	DH16CC	<i>Đào</i>		1,5	1,3	6,0	8,8	001234567890	0123456789
14	16115037	Nguyễn Ngọc Hải	DH16CB							001234567890	0123456789
15	15153017	Trịnh Văn Hải	DH15CD	<i>Trịnh</i>		0,5	0,8	1,5	2,8	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 02655

Trang 2/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Nguyên lý máy (207111) - 001_DH16GN_04

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 22/01/2018

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi TV103

Giảng viên: Vương Thành Tiên

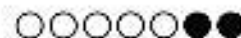
Lớp DH14GN (Thiết kế đồ gồ nội thất)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 15%	D2 15%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14115181	Nguyễn Minh Hào	DH14GN			1,0	0,5	2,5	4,0	0012345678910	0123456789
17	14137032	Đặng Hoàng Hào	DH14NL			1,0	1,0	1,0	3,0	0012345678910	0123456789
18	16115046	Trương Đình Hậu	DH16CB			1,0	0,8	0,0	1,8	0012345678910	0123456789
19	15115049	Nguyễn Đình Hiếu	DH15CB			1,5	0,8	2,5	4,8	0012345678910	0123456789
20	14115314	Lê Thị Hoi	DH14GN							0012345678910	0123456789
21	16137036	Huỳnh Quang Huy	DH16NL							0012345678910	0123456789
22	16154048	Nguyễn Phú Huy	DH16OT			1,5	1,0	6,5	9,0	0012345678910	0123456789
23	15115068	Phạm Nguyễn Hoàng Huy	DH15CB			1,5	1,0	0,3	2,8	0012345678910	0123456789
24	15153029	Phạm Duy Khánh	DH15CD			1,0	1,0	4,0	6,0	0012345678910	0123456789
25	16154054	Nguyễn Trung Kiên	DH16OT			1,5	1,0	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
26	16115081	Đặng Thị Thanh Kiều	DH16GN			1,5	1,0	5,0	7,5	0012345678910	0123456789
27	15154030	Nguyễn Duy Linh	DH15OT			1,5	1,0	2,5	5,0	0012345678910	0123456789
28	15115087	Trần Văn Lộc	DH15CB			0,0	0,5	1,0	1,5	0012345678910	0123456789
29	15115106	Dương Mộng Ngọc	DH15CB			2,0	1,0	2,5	4,5	0012345678910	0123456789
30	16154068	Phan Chí Nguyên	DH16OT			1,5	1,0	1,5	4,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02655



Trang 3/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Nguyên lý máy (207111) - 001_DH16GN_04

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 22/01/2018

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi TV103

Giảng viên: Vương Thành Tiến

Lớp

DH15CB (Chế biến lâm sản)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 15%	D2 15%	T.Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lư
31	15115113	Trần Nguyễn Trọng Nhân	DH15CB			0,5	0,5	0,5	1,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13115315	Phạm Thị Huỳnh Như	DH13CB							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	16115132	Huỳnh Ngọc Phần	DH16CB			1,5	0,75	2,25	4,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	15118079	Nguyễn Thanh Phong	DH15CB			1,5	1,0	5,0	7,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	13115084	Nguyễn Hoàng Phương	DH13GB							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	14115224	Trần Hoài Phương	DH14GN			1,5	0,75	1,75	4,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	15114130	Phạm Ngọc Quí	DH15CB							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	16115143	Tạ Thị Kim Quyên	DH16CB			1,5	1,0	4,5	4,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	14115226	Nguyễn Thị Như Quỳnh	DH14GN			1,5	1,0	3,0	5,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	13115092	Ngô Tấn Sĩ	DH13CB							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	16115147	Nguyễn Thị Thu Sương	DH16GB							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	14137064	Lê Nguyễn Minh Tài	DH14NL			0,5	0,75	2,25	3,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	16115159	Nguyễn Tâm Thành	DH16GB			1,5	1,0	6,0	8,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	13115399	Trần Thị Thanh Thu	DH13GB							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	16115174	Nguyễn Thị Thủy	DH16GN			1,5	1,0	6,5	9,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 02655



Trang 4/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm: Nguyên lý máy (207111) - 001_DH16GN_04

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 22/01/2018

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi TV103

Giảng viên: Vương Thành Tiên

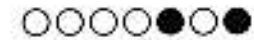
Lớp DH13CB (Công nghệ chế biến lâm sản)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 1,5 %	D2 1,5 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm 10
46	13115413	Trần Anh Thư	DH13CB	<i>Đào</i>		1,5	1,0	1,5	4,0	0001234567890	0123456789
47	15115165	Lê Văn Tiến	DH15GB	<i>Trần</i>		1,5	1,0	5,5	8,0	0001234567890	0123456789
48	13153238	Mai Thanh Tinh	DH13CD							0001234567890	0123456789
49	16115245	Đoàn Minh Trí	DH16CB	<i>Trí</i>		1,5	1,0	1,5	4,0	0001234567890	0123456789
50	16115216	Huỳnh Ngọc Trí	DH16CB	<i>Trí</i>		1,0	1,0	0,5	2,5	0001234567890	0123456789
51	16115246	Dương Nguyễn Bá Triều	DH16GN							0001234567890	0123456789
52	16115187	Nguyễn Kim Trình	DH16CB	<i>Trình</i>		1,5	0,75	1,25	4,0	0001234567890	0123456789
53	15118118	Nguyễn Bảo Trọng	DH15CC	<i>Trọng</i>		1,5	0,8	2,5	4,8	0001234567890	0123456789
54	15153071	Hồ Thái Trung	DH15CD	<i>Trung</i>		0,5	0,5	4,5	5,5	0001234567890	0123456789
55	14115263	Lê Anh Trung	DH14GN							0001234567890	0123456789
56	14118287	Lê Văn Trung	DH14CC							0001234567890	0123456789
57	13137156	Dương Minh Tú	DH13NL							0001234567890	0123456789
58	15114192	Lê Anh Tuấn	DH15CB	<i>Tuấn</i>		1,0	1,0	2,8	4,8	0001234567890	0123456789
59	15154067	Nguyễn Văn Tuấn	DH15OT	<i>Tuấn</i>		1,0	0,5	4,5	6,0	0001234567890	0123456789
60	13115460	Lê Tiến Tùng	DH13CB	<i>Tùng</i>		1,5	1,0	1,5	4,0	0001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 02655



Trang 5/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/ Nhóm Nguyên lý máy (207111) - 001_DH16GN_04

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 22/01/2018

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi TV103

Giảng viên: Vương Thành Tiên

Lớp DH16CB (Chế biến lâm sản)

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 15%	Đ. Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lã
61	16115199	Phạm Thị Ngọc	Tuyền			1,5	1,0	3,8	6,3	0012345678910	0123456789
62	16115248	Võ Thị Thanh	Tuyền			1,5	1,0	2,5	5,0	0012345678910	0123456789
63	16115200	Nguyễn Thị Mộng	Tuyệt			1,5	1,0	4,5	7,0	0012345678910	0123456789
64	16115201	Vũ Mai	Uyên							0012345678910	0123456789
65	16115202	Ngô Thị Thuý	Vân			1,5	1,0	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
66	13154208	Nguyễn Thế	Viễn							0012345678910	0123456789

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Số sinh viên dự thi: 49. Số sinh viên vắng: 17.

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

 Nguyễn Văn Tuấn Anh

 Ngô Thị Phương Thảo

 Lê Văn Ban

 TS. Vương Thành Tiên

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Nguyên lý máy (207111) - 001_DH16CC_07

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 22/01/2018

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi TV201

Giảng viên: Vương Thành Tiên

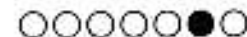
Lớp DH11SGN (Thiết kế đồ gỗ nội thất)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 15%	D2 15%	Tổng Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15114001	Lê Bùi Hữu Ân	DH15GN			1,0	0,0	0,8	1,8	○ ○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
2	15118006	Nguyễn Châu Bình	DH15CK			1,5	0,75	2,25	5,0	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	16130305	Nguyễn Chí Cường	DH16CB			1,5	1,0	4,5	7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	16118035	Phạm Anh Dũng	DH16CK			1,5	0,75	2,25	4,5	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	16137022	Nguyễn Trần Duy	DH16NL			1,5	1,0	4,8	7,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	16118041	Trần Đức Duy	DH16CC			1,5	1,25	4,0	4,0	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	16118036	Trần Nguyễn Hải Dương	DH16CC			1,5	0,8	0,5	2,8	○ ○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
8	15137014	Nguyễn Ngọc Hải	DH15NL			0,5	0,8	1,0	2,3	○ ○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	16118046	Nguyễn Ngọc Hải	DH16CC			1,5	0,0	0,3	1,8	○ ○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
10	16118051	Đỗ Đức Hậu	DH16CC			1,5	1,0	1,5	4,0	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	15137016	Lê Công Hậu	DH15NL			1,5	1,0	1,5	4,0	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	14118158	Vũ Văn Hiếu	DH14CK		✓					● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	14115190	Lý Minh Hòa	DH14CB			1,5	1,0	3,0	5,5	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	15115062	Quách Tô Hùng	DH15CB			1,5	1,0	3,5	6,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	16154047	Lý Gia Huy	DH16OT			0,5	0,0	1,0	1,5	○ ○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 02652



Trang 2/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Nguyên lý máy (207111) - 001_DH16CC_07

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 22/01/2018

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi TV201

Giảng viên: Vương Thành Tiên

Lớp

DH15CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 15%	D2 15%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	15153027	Nguyễn Đức Huy	DH15CD	<i>Huy</i>		1,5	1,0	3,3	5,8	001234●678910	01234567●9
17	16118067	Trần Quang Huy	DH16CC	<i>Huy</i>		1,5	1,0	4,0	6,5	0012345●78910	01234●6789
18	16115073	Trương Thị Huyền	DH16CB	<i>Huyền</i>		1,5	1,3	3,0	5,8	001234●678910	01234567●9
19	16118061	Huỳnh Tấn Hữu	DH16CC	<i>Huu</i>		1,5	1,0	1,0	3,5	0012●45678910	01234●6789
20	14114049	Nguyễn Nhật Kha	DH14CB	<i>Kha</i>		1,0	0,8	0,5	2,3	001●345678910	012●456789
21	16118071	Cao Hoàng Khang	DH16CC	<i>Khang</i>		1,5	1,0	3,3	5,8	001234●678910	01234567●9
22	16118072	Phạm Minh Khoa	DH16CC	<i>Khoa</i>		1,5	0,8	1,2	4,0	00123●5678910	●123456789
23	16118074	Dỗ Minh Khôi	DH16CC	<i>Khôi</i>		1,5	1,0	4,5	7,0	00123456●8910	●123456789
24	13137079	Phan Đặng Tuấn	DH13NL	<i>Tuấn</i>		1,5	0,5	3,5	5,5	001234●678910	01234●6789
25	14115424	Trần Văn Kiệt	DH14CB	<i>Kiệt</i>		1,5	0,8	2,5	4,8	00123●5678910	01234567●9
26	16118082	Nguyễn Xuân Lâm	DH16CC	<i>Lâm</i>		1,5	1,0	4,5	7,0	00123456●8910	●123456789
27	16118080	Bùi Lâm	DH16CC	<i>Lâm</i>		1,5	1,0	3,3	5,8	001234●678910	01234567●9
28	16118086	Nguyễn Đại Lộ	DH16CC	<i>Lộ</i>		1,5	1,0	3,0	5,5	001234●678910	01234●6789
29	16137049	Ngô Văn Lợi	DH16NL	<i>Lợi</i>		1,0	1,0	0,5	2,5	001●345678910	01234●6789
30	16118098	Nguyễn Bình Trí	DH16CK	<i>Trí</i>		1,5	1,0	6,0	8,5	001234567●910	01234●6789



Mã nhận dạng 02652



Trang 3/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm: Nguyên lý máy (207111) - 001_DH16CC_07

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 22/01/2018

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi TV201

Giảng viên: Vương Thành Tiên

Lớp

DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)

Trung 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 15%	D2 15%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lư
31	13118208	Bùi Lương Bảo Minh	DH13CK			1,5	1,0	1,5	4,0	001234567890	0123456789
32	14153103	Nguyễn Đức	DH14CD		✓					001234567890	0123456789
33	15137036	Nguyễn Thái	DH15NL			1,5	1,0	2,3	4,8	001234567890	0123456789
34	13137097	Đặng	DH13NL			1,5	1,0	3,0	5,5	001234567890	0123456789
35	14118046	Nguyễn Phúc Bảo	DH14CC			1,5	1,0	3,0	5,5	001234567890	0123456789
36	16115127	Lê Thị Cẩm	DH16GN			1,5	1,0	6,0	8,5	001234567890	0123456789
37	14115450	Lê Thanh	DH14CB		✓					001234567890	0123456789
38	16118116	Nguyễn Thanh	DH16CC			1,5	1,0	3,5	6,0	001234567890	0123456789
39	16118117	Nguyễn Thanh	DH16CC		✓					001234567890	0123456789
40	15137041	Trần Duy	DH15NL			0,5	0,5	1,0	2,0	001234567890	0123456789
41	16118128	Lê Đức	DH16CC			1,5	0,8	3,5	5,8	001234567890	0123456789
42	16118129	Nguyễn Văn	DH16CC			1,5	1,0	6,8	9,3	001234567890	0123456789
43	15154044	Nguyễn Võ Hoàng	DH15OT			1,0	0,75	1,25	3,0	001234567890	0123456789
44	16118138	Nguyễn Anh	DH16CK			1,0	1,3	0,0	2,3	001234567890	0123456789
45	15137047	Phạm Thị Thanh	DH15NL			1,5	1,3	2,0	4,8	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 02652



Trang 4/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học Nhóm Nguyên lý máy (207111) - 001_DH16CC_07

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 22/01/2018

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi TV201

Giảng viên: Vương Thành Tiên

Lớp DH14GN (Thiết kế đồ gỗ nội thất)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 1,5%	D2 1,5%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
46	14115372	Nguyễn Văn Thạch	DH14GN			1,0	1,0	2,8	4,8	0012345678910	0123456789
47	14115237	Nguyễn Hiếu Thảo	DH14GN			1,0	1,0	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
48	16154086	Bùi Xuân Thắng	DH16OT			0,0	1,0	4,8	5,8	0012345678910	0123456789
49	16137076	Lê Hải Thiện	DH16NL			1,5	4,3	6,5	9,3	0012345678910	0123456789
50	15115156	Nguyễn Thành Thông	DH15GN			1,5	0,0	0,5	2,0	0012345678910	0123456789
51	16118152	Đặng Thị Hòa Thuận	DH16CC			1,5	1,0	3,3	5,8	0012345678910	0123456789
52	15115163	Huỳnh Thiên Xuân	DH15GN			1,5	1,0	3,0	5,5	0012345678910	0123456789
53	16118159	Lê Văn Tinh	DH16CC			1,5	1,0	5,3	7,8	0012345678910	0123456789
54	15118108	Lê Trung	DH15CC			1,5	1,0	5,0	7,5	0012345678910	0123456789
55	13118324	Phạm Ngọc Truyền	DH13CC			1,0	0,5	4,0	5,5	0012345678910	0123456789
56	16118164	Đào Thanh Tú	DH16CC			1,5	1,25	4,25	7,0	0012345678910	0123456789
57	16118165	Đinh Văn Tú	DH16CK			1,5	1,0	3,0	5,5	0012345678910	0123456789
58	14118092	Nguyễn Hoàng Anh Tú	DH14CC			1,5	1,0	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
59	16118189	Nguyễn Anh Tuấn	DH16CC			1,5	1,0	3,0	5,5	0012345678910	0123456789
60	16154108	Nguyễn Hoàng Tùng	DH16OT			0,5	0,0	0,5	1,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02652



Trang 5/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Nguyên lý máy (207111) - 001_DH16CC_07

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 22/01/2018

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi TV201

Giảng viên: Vương Thành Tiên

Lớp

DH15CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 15%	D2 15%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
61	15118127	Phan Xuân Tùng	DH15CK			1,5	1,0	1,5	4,0	0001234567890	0123456789
62	16118170	Võ Tường	DH16CC			1,5	1,0	5,8	8,3	0001234567890	0123456789
63	16118171	Đoàn Đình Văn	DH16CC			1,5	1,0	0,5	3,0	0001234567890	0123456789
64	12115115	Nguyễn Trí Viễn	DH12GN			1,5	1,0	1,5	4,0	0001234567890	0123456789
65	15118131	Dương Quốc Việt	DH15CK			1,5	0,8	4,0	6,3	0001234567890	0123456789
66	16118178	Phan Hoàng Vũ	DH16CC			1,5	1,0	2,5	5,0	0001234567890	0123456789
67	16118180	Võ Quang Vy	DH16CK			1,5	1,0	3,0	5,5	0001234567890	0123456789

Số sinh viên dự thi: 63 Số sinh viên vắng: 4

Ngày ____ Tháng 02 Năm 2018

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Nguyên lý máy (207111) - 001_DHI6CK_08

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 22/01/2018

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi TV202

Giảng viên: Vương Thành Tiến

Lớp

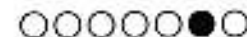
DH16CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 15%	D2 15%	Điểm Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	16118008	Hồ Thái An	DH16CK			1,5	1,0	7,0	9,5	0012345678●10	01234●6789
2	16118011	Tôn Thế Anh	DH16CC			1,5	1,0	1,5	4,0	00123●5678910	●123456789
3	16118010	Đinh Quốc Ân	DH16CK			1,5	0,75	4,25	6,5	0012345●78910	01234●6789
4	15118007	Lâm Quang Chiến	DH15CC			0,0	0,75	3,25	4,0	00123●5678910	●123456789
5	16118026	Tổng Mạnh Cường	DH16CK			1,5	1,0	4,5	7,0	00123456●8910	0123456789
6	14118128	Nguyễn Văn Duy	DH14CK			1,5	0,0	1,5	3,0	0012●45678910	●123456789
7	14137016	Trần Thanh Duy	DH14NL			1,0	1,0	5,0	7,0	00123456●8910	●123456789
8	14137026	Đào Minh Đạt	DH14NL			1,5	1,0	3,8	6,3	0012345●78910	012●456789
9	15153010	Nguyễn Tấn Đình	DH15CD			1,5	1,0	1,5	4,0	00123●5678910	●123456789
10	15153012	Huỳnh Đức	DH15CD			1,5	1,0	5,8	8,3	001234567●910	012●456789
11	14154017	Lê Minh Hải	DH14OT			0,5	0,8	3,0	4,3	00123●5678910	012●456789
12	14118022	Nguyễn Mạnh Hải	DH14CK	✓						●012345678910	0123456789
13	16118047	Nguyễn Văn Hạnh	DH16CK	✓						●012345678910	0123456789
14	16115042	Trần Mỹ Hạnh	DH16CB			1,5	1,0	6,0	8,5	001234567●910	01234●56789
15	16115043	Lê Nhật Hào	DH16GN			1,5	1,0	5,5	8,0	001234567●910	●123456789



Mã nhận dạng 02654



Trang 2/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Nguyên lý máy (207111) - 001_DH16CK_08

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 22/01/2018

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi TV202

Giảng viên: Vương Thành Tiên

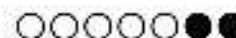
Lớp DH16OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 15%	D2 15%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	16154027	Ngô Trần Nhựt	Hào	DH16OT		1,5	1,0	4,5	7,0	0012345678910	0123456789
17	16118052	Hồ Sông	Hậu	DH16CK		1,5	1,0	6,5	9,0	0012345678910	0123456789
18	15118031	Nguyễn Bình Phương	Hầu	DH15CK		1,5	0,8	1,0	3,3	0012345678910	0123456789
19	15118036	Nguyễn Trọng	Hiếu	DH15CK		1,5	0,5	5,5	7,5	0012345678910	0123456789
20	16115056	Trần Thị	Hoà	DH16GN		1,5	1,0	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
21	16118058	Bùi Hữu	Hoàng	DH16CK		1,5	1,0	5,8	8,3	0012345678910	0123456789
22	15118038	Lê Sĩ	Hoàng	DH15CK		1,5	1,0	5,8	8,3	0012345678910	0123456789
23	14118164	Tôn Nhật	Hoàng	DH14CK		1,5	1,0	2,5	5,0	0012345678910	0123456789
24	16118063	Ngự Hoàng	Huy	DH16CK		0,0	0,8	1,0	1,8	0012345678910	0123456789
25	14137044	Nguyễn Văn	Ka	DH14NL		1,5	0,5	2,5	4,5	0012345678910	0123456789
26	15118043	Trần Minh	Khang	DH15CC						0012345678910	0123456789
27	16115233	Phan Thị Diễm	Kiều	DH16CH		1,5	1,0	5,0	7,5	0012345678910	0123456789
28	16118076	Vũ Hoàng	Kim	DH16CK		1,5	1,0	4,5	7,0	0012345678910	0123456789
29	15118048	Nguyễn Văn	Lam	DH15CC		1,5	0,8	2,5	4,8	0012345678910	0123456789
30	14114229	Nguyễn Văn	Lâm	DH14CB		1,0	0,75	2,25	4,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02654



Trang 3/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/ Nhóm: Nguyên lý máy (207111) - 001_DH16CK_08

Số Tín Ch: 2

Ngày Thi: 22/01/2018

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi: TV202

Giảng viên: Vương Thành Tiên

Lớp: DH16CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 15%	D2 15%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	16118081	Trần Hữu Lâm	DH16CK	✓						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	16118085	Trần Vũ Linh	DH16CK	Linh		1,5	1,0	5,0	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
33	15118053	Đặng Minh Lợi	DH15CC	Lợi		1,5	0,8	2,5	4,8	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
34	13118209	Đỗ Văn Minh	DH13CK							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	15118062	Lăng Văn Minh	DH15CK	Minh		1,5	1,0	4,5	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	16118102	Phạm Nhật Minh	DH16CK	Minh		1,5	0,8	0,5	2,8	○ 0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
37	14137004	Nguyễn Hoài Nam	DH14NL	✓						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	15154033	Nguyễn Thành Nam	DH15OT	✓						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	16118103	Nguyễn Trọng Nghĩa	DH16CC	Ngô		1,5	1,0	5,0	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
40	15118076	Trương Trọng Nhân	DH15CC	Trương		1,5	0,5	3,8	5,8	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
41	16115133	Nguyễn Đức Phát	DH16CB	✓						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	15115121	Nguyễn Văn Phong	DH15CB	✓						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	14118223	Phạm Hoàng Phương	DH14CK	Phạm		0,5	1,0	0,0	1,5	○ 0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
44	16118123	Nguyễn Tông Quân	DH16CC	Quân		1,5	0,5	1,0	3,0	○ 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	14118058	Hà Trọng Quốc	DH14CK	Quốc		1,5	1,0	5,8	8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 02654



Trang 4/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Nguyên lý máy (207111) - 001_DH16CK_08

Số Tia Ch 2

Ngày Thi 22/01/2018

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi TV202

Giảng viên: Vương Thành Tiên

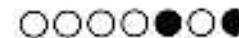
Lớp DH12GN (Thiết kế đồ gỗ nội thất)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 15%	D2 15%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	12115097	Trần Mạnh Quyết	DH12GN			1,0	0,0	3,0	4,0	0012345678910	1123456789
47	15154042	Nguyễn Thanh Sang	DH15OT			1,5	0,8	6,0	8,3	0012345678910	0123456789
48	16118135	Nguyễn Văn Sơn	DH16CC			1,5	0,8	0,0	2,3	0012345678910	0123456789
49	15118088	Trần Hữu Sơn	DH15CK			1,5	0,5	2,0	4,0	0012345678910	1123456789
50	16118137	Dương Văn Tài	DH16CC			1,5	1,0	5,0	7,5	0012345678910	0123456789
51	15154051	Nguyễn Duy Thái	DH15OT			1,5	1,0	7,0	9,5	0012345678910	0123456789
52	16118146	Hoàng Văn Thành	DH16CC			1,5	1,0	4,8	7,3	0012345678910	0123456789
53	14118070	Đinh Trọng Thọ	DH14CK			1,5	0,5	3,0	5,0	0012345678910	1123456789
54	15118103	Nguyễn Hữu Thọ	DH15CC			1,5	1,0	3,0	5,5	0012345678910	0123456789
55	15118105	Nguyễn Hồng Tiến	DH15CC			1,5	0,5	4,5	6,5	0012345678910	0123456789
56	14137083	Vũ Quốc Tinh	DH14NL			1,5	1,0	4,8	7,3	0012345678910	0123456789
57	15118114	Lê Đức Tri	DH15CK			1,5	0,75	2,25	4,5	0012345678910	0123456789
58	15137063	Nguyễn Phước Trịnh	DH15NL							112345678910	0123456789
59	14118292	Nguyễn Tấn Truyền	DH14CK			1,5	1,0	2,0	4,5	0012345678910	0123456789
60	13153255	Lê Ngọc Triệu	DH13CD			1,5	0,5	2,0	4,0	0012345678910	1123456789



Mã nhận dạng 02654



Trang 5/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Nguyên lý máy (207111) - 001_DH16CK_08

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 22/01/2018

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi TV202

Giảng viên: Vương Thành Tiên

Lớp DH15CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 15%	D2 15%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
61	15118126	Nguyễn Minh Tuấn	DH15CC			1,5	1,0	4,5	7,0	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
62	15115195	Đỗ Thị Vân	DH15CB			1,5	1,0	4,5	7,0	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
63	14118312	Hà Thành Vĩ	DH14CK			1,5	1,0	5,5	8,0	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
64	14137097	Lê Hoàng Vũ	DH14NL			1,5	1,0	4,5	7,0	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
65	16118179	Nguyễn Minh Vương	DH16CK			1,5	1,0	5,0	7,5	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨

Số sinh viên dự thi: 55 Số sinh viên vắng: 10

Ngày ____ Tháng 12 Năm 2018

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Văn Tuấn
Lê Văn Tuấn
Lê Văn Tuấn
TS. Vương Thành Tiên

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 01

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	16118008	Hồ Thái An	DH16CK	<i>an</i>	501	9,0	0,3	9,5	9,4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
2	14137008	Lê Đình Ba	DH14NL	<i>Ba</i>	502	9,0	4,8	7,5	7,3	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
3	16118014	Lê Văn Bảo	DH16CK	<i>bao</i>	503	4,0	5,5	3,0	3,7	○○○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
4	14154003	Nguyễn Chí Bảo	DH14OT	<i>Bao</i>	504	4,0	4,8	0,5	2,1	○○○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	16118015	Nguyễn Quốc Bảo	DH16CK	<i>Bao</i>	505	6,0	7,5	7,0	6,9	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
6	15138005	Dương Võ Bình	DH15TD	<i>Binh</i>	506				✓	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	15153003	Đào Lưu Bình	DH15CD	<i>Binh</i>	507	7,0	7,5	7,0	7,1	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	16137005	Quách Đình Cầm	DH16NL	<i>Cam</i>	508	6,0	8,5	8,0	7,7	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
9	14118114	Thái Văn Chiến	DH14CC	<i>Chan</i>	509	9,0	3,3	6,5	6,4	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
10	14153007	Phạm Hòa Chính	DH14CD	<i>Chinh</i>	510	8,0	8,0	8,0	8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	14138042	Tô Đình Dân	DH14TD	<i>Dan</i>	511	7,0	2,5	6,5	5,8	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
12	15118024	Nguyễn Văn Hoàng Dương	DH15CC	<i>Dang</i>	512	5,0	7,8	6,5	6,5	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
13	14154012	Nguyễn Tuấn Đạt	DH14OT	<i>Dat</i>	513	7,0	6,8	7,5	7,3	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	13153004	Trương Nguyễn Tiến Đạt	DH13CD	<i>Dat</i>	514	6,0	7,3	6,0	6,3	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
15	13153005	Đặng Hữu Đức	DH13CD	<i>Duc</i>	515	0	7,5	7,5	6,0	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	16137014	Đào Đôn Điền	DH16NL	<i>Don</i>	516	5,0	7,0	5,5	5,7	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
17	15153010	Nguyễn Tấn Đình	DH15CD	<i>Dinh</i>	517	5,3	4,5	5,5	5,3	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
18	16154021	Phạm Hồng Đức	DH16OT	<i>Duc</i>	518	8,0	0	5,5	4,9	○○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 01

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 20 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	14153014	Hồ Đức Hải	DH14CD		519	9,0	5,0	8,0	7,6	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
20	15153017	Trịnh Văn Hải	DH15CD		520	6,5	2,3	5,5	5,1	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	16154027	Ngô Trần Nhật Hào	DH16OT		521	6,0	0	5,5	4,5	○○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
22	14153079	Bùi Văn Hân	DH14CD		522	8,0	7,0	7,5	7,5	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
23	15154021	Nguyễn Trung Hậu	DH15OT		523	7,0	4,5	4,0	4,7	○○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
24	16118053	Trần Thanh Hậu	DH16CK		524	8,0	8,5	5,5	6,6	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
25	14154018	Trần Bá Hiến	DH14OT		525	9,0	6,5	5,5	6,4	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
26	15118034	Hoàng Anh Hiếu	DH15CC		526	8,0	8,3	5,0	6,3	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
27	15118037	Nguyễn Công Hòa	DH15CK		527	8,0	7,8	6,0	6,8	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
28	16154051	Vũ Văn Huy	DH16OT		528	8,0	0	5,0	4,6	○○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
29	14137042	Ngô Thị Ngọc Huyền	DH14NL		529	7,0	7,0	5,0	5,8	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
30	15138027	Bùi Hữu Hưng	DH15TD		/				✓	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
31	13153122	Mai Đức Hữu	DH13CD		/				✓	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
32	14138057	Nguyễn Triều Khang	DH14TD		530	6,0	2,5	4,0	4,1	○○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
33	15137071	Nguyễn Duy Khanh	DH15NL		531	1,0	7,0	0,5	1,8	○○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
34	14137045	Nguyễn Quốc Khanh	DH14NL		532	6,5	7,0	5,5	6,0	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
35	13154027	Nguyễn Lê Khoa	DH13OT		533	7,0	8,3	7,0	7,3	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
36	14137046	Nguyễn Nhật Khoa	DH14NL		534	9,0	8,8	8,5	8,7	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 01

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
37	16118082	Nguyễn Xuân Lâm	DH16CC		535	5,0	7,0	6,5	6,3	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
38	15118051	Mai Văn Lịch	DH15CK						✓	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
39	15153034	Trần Minh Long	DH15CD		536	8,0	8,3	7,0	7,5	○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
40	16118086	Nguyễn Đại Lộ	DH16CC		537	5,0	8,5	6,0	6,3	○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
41	15118052	Trào An Lộc	DH15CC		538	6,0	7,0	5,0	5,6	○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤●⑦⑧⑨
42	15118053	Dặng Minh Lợi	DH15CC		539	7,5	5,3	4,0	5,0	○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
43	16118095	Nguyễn Thành Luyện	DH16CK		540	9,0	9,3	9,0	9,1	○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
44	15118064	Nguyễn Đức Minh	DH15CC		541	7,5	7,5	6,5	6,9	○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧●
45	14137004	Nguyễn Hoài Nam	DH14NL		542	6,5	8,0	7,5	7,4	○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
46	15118067	Nguyễn Hoài Nam	DH15CC		543	9,0	8,5	8,0	8,3	○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
47	15154035	Vương Quốc Nghĩa	DH15OT		544	8,0	8,8	9,0	8,8	○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑨
48	14153040	Phạm Thị Thu Thảo	DH14CD		545	9,0	7,5	7,0	7,5	○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
49	15118076	Trương Trọng Trọng	DH15CC		546	7,0	7,5	6,0	6,5	○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
50	15154036	Võ Khắc Hoàn Nhân	DH15OT		547	7,5	8,5	8,5	8,3	○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
51	14153041	Vũ Minh Nhật	DH14CD		548	7,0	8,0	8,5	8,1	○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
52	14137053	Lê Minh Nhật	DH14NL		549	9,0	6,5	6,5	7,0	○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
53	15118077	Nguyễn Minh Nhật	DH15CC		510	5,0	6,0	6,5	6,1	○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
54	15137072	Nguyễn Quang Nhật	DH15NL		511	7,0	7,5	6,0	6,5	○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 01

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 20 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
55	14118215	Võ Tấn Phát	DH14CC	<i>Phát</i>	512	8,0	7,0	6,0	6,6	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤●⑦⑧⑨
56	15154038	Đặng Thanh Phong	DH15OT	<i>Phong</i>	513	7,0	5,5	7,0	6,7	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥●⑧⑨
57	15153049	Thần Trọng Quân	DH15CD	<i>Quân</i>	514				✓	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
58	14137056	Trần Minh Quang	DH14NL	<i>Quang</i>	515	8,5	8,5	7,5	7,9	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧●
59	14154043	Nguyễn Thanh Quân	DH14OT	<i>Quân</i>	516				✓	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
60	15153052	Nguyễn Trung Minh Quân	DH15CD	<i>Quân</i>	516	7,0	6,4	7,0	6,9	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧●
61	15118084	Bùi Quốc Quý	DH15CC	<i>Quý</i>	517	9,0	8,8	9,0	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
62	15137043	Nguyễn Văn Sang	DH15NL	<i>Sang</i>	518				✓	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
63	14137057	Trần Phước Sang	DH14NL	<i>Sang</i>	518	8,0	8,0	5,5	6,5	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③④●⑥⑦⑧⑨
64	14118238	Trương Tuấn Sang	DH14CC	<i>Sang</i>	519	9,0	7,5	8,0	8,1	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
65	15118087	Nguyễn Thanh Sơn	DH15CC	<i>Sơn</i>	520	8,0	8,0	8,0	8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
66	16118137	Dương Văn Tài	DH16CC	<i>Tài</i>	521	5,0	7,3	8,0	7,3	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
67	13334169	Nguyễn Văn Tài	CD13CI	<i>Tài</i>	521				✓	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
68	16118146	Hoàng Văn Thành	DH16CC	<i>Thành</i>	522	5,5	8,5	5,0	5,8	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨
69	13153023	Tăng Thành Tháo	DH13CD	<i>Tháo</i>	523	9,0	9,3	7,5	8,2	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
70	13138201	Vân Thiên Thăng	DH13TD	<i>Thăng</i>	524	7,5	6,5	6,5	6,7	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥●⑧⑨
71	15154053	Sơn Ngọc Thăng	DH15OT	<i>Thăng</i>	525	7,5	9,3	8,5	8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②③④●⑥⑦⑧⑨
72	15137050	Phan Minh Thâm	DH15NL	<i>Thâm</i>	526	9,0	9,0	7,0	7,8	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 01

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tổ điểm lẻ
73	14137005	Nguyễn Hữu Thê	DH14NL	<i>[Signature]</i>	527	9,0	9,0	7,0	7,8	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
74	14137073	Nguyễn Thanh Thê	DH14NL	<i>[Signature]</i>	528	9,5	9,5	7,0	8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
75	14118263	Nguyễn Tấn Thiện	DH14CC	<i>[Signature]</i>	529	7,5	7,0	6,5	6,8	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
76	13153223	Trần Hữu Thọ	DH13CD		/				✓	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
77	16118152	Đặng Thị Hòa Thuận	DH16CC	<i>[Signature]</i>	530	5,0	7,5	6,8	6,6	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
78	16137081	Võ Ngọc Thương	DH16NL	<i>[Signature]</i>	531	8,0	7,5	9,0	8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
79	13153229	Lê Quyết Tiến	DH13CD		/				✓	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
80	15118105	Nguyễn Hồng Tiến	DH15CC		/				✓	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
81	15137059	Phan Nhật Tiến	DH15NL		/				✓	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
82	13153238	Mai Thanh Tinh	DH13CD		/				✓	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
83	14118076	Nguyễn Văn Toán	DH14CC	<i>[Signature]</i>	532	8,0	7,0	6,0	6,6	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
84	15118112	Nguyễn Hữu Trán	DH15CC	<i>[Signature]</i>	533	8,0	7,5	6,5	7,0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
85	15118118	Nguyễn Bảo Trọng	DH15CC		/				✓	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
86	14118293	Lê Văn Trùng	DH14CK	<i>[Signature]</i>	534	7,5	7,5	6,5	6,9	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
87	14118086	Nguyễn Công Truyền	DH14CK	<i>[Signature]</i>	535	6,0	1,5	6,0	5,1	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
88	14153139	Lê Văn Trường	DH14CD	<i>[Signature]</i>	536	9,0	9,0	6,5	7,5	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
89	15154064	Mai Hoàng Tuấn	DH15OT	<i>[Signature]</i>	537	1,0	6,5	8,5	6,6	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
90	15118126	Nguyễn Minh Tuấn	DH15CC	<i>[Signature]</i>	538	7,5	8,5	8,0	8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 01

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	D1 20 %	D2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
91	15154066	Nguyễn Thanh Tuấn	DH15OT						✓	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
92	14118304	Phạm Thanh Tùng	DH14CK						✓	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
93	15118128	Hoàng Trung Tường	DH15CC	Tường	539	8,5	8,0	6,5	7,2	○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
94	16137103	Cao Nguyễn Xuân Vinh	DH16NL	Xuân	540	5,0	7,5	8,0	7,3	○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
95	14118311	Trần Xuân Vinh	DH14CK	Bình	514	8,5	8,0	7,0	7,5	○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④●⑥⑦⑧⑨
96	14137095	Trương Thế Vinh	DH14NL						✓	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
97	16118180	Võ Quang Vy	DH16CK	QF	631	7,0	5,8	6,0	6,2	○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

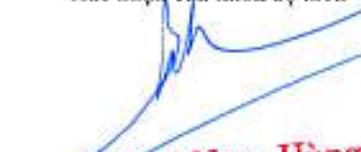
Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Nguyễn Hải Đăng


Lê Văn Tuấn


TS. Bùi Ngọc Hùng


Nguyễn Hải Đăng


Lê Văn Tuấn



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Vẽ cơ khí (207122) - 001_DH16CD_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 22/01/2018

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi RD102

Giảng viên: Nguyễn Hải Đăng

Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Đ.Số 60	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14118097	Trần Lâm An	DH14CK			6,5	6,5	7,4	7,1	001234568910	023456789
2	16153001	Phạm Hoàn Ân	DH16CD			7	7	4	5,2	001234678910	013456789
3	14153004	Nguyễn Thanh Huy	DH14CD			0	3	2,5	2,1	001345678910	023456789
4	15153003	Đào Lưu Bình	DH15CD			5	8,5	4,3	5,3	001234678910	012456789
5	15118006	Nguyễn Châu Bình	DH15CK			5	7,5	4,0	4,9	001235678910	012345678
6	14118105	Nguyễn Văn Bình	DH14CC			4	6	2,5	3,5	0012345678910	012346789
7	13153042	Tạ Văn Bình	DH13CD			6	5	3	4,0	001235678910	123456789
8	16153005	Vô Thái Công	DH16CD			7	5,5	1,5	3,4	0012345678910	012356789
9	16118025	Nguyễn Châu Chí Cường	DH16CK						✓	0012345678910	0123456789
10	15118022	Trần Hoàng Dũng	DH15CK			0	6,5	4	3,7	0012345678910	012345689
11	16153016	Đặng Quốc Duy	DH16CD			8	6,5	4	5,7	001234678910	012345689
12	16153017	Doãn Văn Duy	DH16CD			7,5	7	6,7	6,9	001234578910	012345678
13	16153014	Lê Văn Dự	DH16CD			9	9	6	7,2	001234568910	013456789
14	13118110	Phạm Minh Đại	DH13CC			0	7,5	3	3,3	0012345678910	012456789
15	14118139	Phạm Thành Đạt	DH14CC			5,5	7,5	5,0	5,6	001234678910	012345789



Mã nhận dạng 02674



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm: Vẽ cơ khí (207122) - 001_DH16CD_01

Số Tin Ch: 2

Ngày Thi 22/01/2018

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi RD102

Giảng viên: Nguyễn Hải Đăng

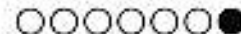
Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20 %	D2 20 %	D.Số 60	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14118017	Nguyễn Thanh	Điện	<i>T. Thanh</i>		7,5	8	7,5	7,6	00123456●8910	012345●789
17	15118016	Phạm Hữu	Định						✓	●012345678910	0123456789
18	13153077	Trương Công	Định						✓	●012345678910	0123456789
19	15153012	Huỳnh	Đức	<i>Huỳnh</i>		8	7	3,9	5,4	001234●678910	0123●56789
20	15118020	Huỳnh Văn	Đức	<i>Huỳnh</i>		0	8	2,4	3,1	0012●45678910	0●23456789
21	16153020	Lê Kim	Hải						✓	●012345678910	0123456789
22	15153019	Nguyễn Nhật	Hào	<i>Nguyễn</i>		8	8,5	3,9	5,7	001234●678910	0123456●89
23	15153018	Dương Thanh	Hân	<i>Dương</i>		8,5	8,5	2,4	4,9	00123●45678910	012345678●
24	16153025	Lê Hoà	Hiệp	<i>Lê</i>		8	6,5	2,9	4,7	00123●45678910	0123456●89
25	16153026	Cao Đình	Hiếu						✓	●012345678910	0123456789
26	16153027	Hân Tấn	Hiếu	<i>Hân</i>		8	6,5	3	4,7	00123●45678910	0123456●89
27	13153109	Nguyễn Tấn	Hồng	<i>Nguyễn</i>		5	6	3	4,0	00123●45678910	●123456789
28	13118163	Lâm Thái	Hùng	<i>Lâm</i>		8,5	6,5	7,5	7,5	00123456●8910	01234●6789
29	16153034	Nguyễn Mạnh	Hùng	<i>Nguyễn</i>		0	5,5	1,0	1,7	00●12345678910	0123456●89
30	15118040	Nguyễn Quang	Hưng	<i>Nguyễn</i>		7,5	9	2,5	4,8	00123●45678910	01234567●89



Mã nhận dạng 02675



Trang 1/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm: **Vẽ cơ khí (207122) - 002_DH16CD_01**

Số Tín Ch: 2

Ngày Thi: 22/01/2018

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi: TV101

Giảng viên: Nguyễn Hải Đăng

Lớp: DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số 60	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14153019	Cao Bá Kê	DH14CD			0	7,5	2,5	3,0	0012345678910	0123456789
2	16153041	Phạm Quốc Khải	DH16CD			9	8	4	5,8	0012345678910	0123456789
3	13153124	Nguyễn Trọng Khang	DH13CD			8,5	7,5	3,4	5,3	0012345678910	0123456789
4	15118045	Du Đức Anh Khoa	DH15CK			9	9	6,5	7,5	0012345678910	0123456789
5	15118048	Nguyễn Văn Lâm	DH15CC			6	7,5	3,0	4,5	0012345678910	0123456789
6	16153048	Huỳnh Phúc Linh	DH16CD			8	5,5	3,0	4,5	0012345678910	0123456789
7	15153034	Trần Minh Long	DH15CD			8	8,5	5,0	6,3	0012345678910	0123456789
8	13153012	Nguyễn Hữu Lộc	DH13CD						✓	0012345678910	0123456789
9	13118201	Nguyễn Tấn Lộc	DH13CK			8,5	7	8,3	8,1	0012345678910	0123456789
10	16153052	Nguyễn Thanh Luận	DH16CD			6,5	7	7,4	7,2	0012345678910	0123456789
11	13153013	Huỳnh Minh Lý	DH13CD			7,5	6,5	3,0	4,6	0012345678910	0123456789
12	15118068	Phạm Đức Nam	DH15CK						✓	0012345678910	0123456789
13	14153104	Phan Thanh Nam	DH14CD			0	8,5	4,0	4,1	0012345678910	0123456789
14	14153034	Chế Thành Nghi	DH14CD			0	8,5	5,0	4,7	0012345678910	0123456789
15	16153060	Lê Nguyễn Ngọc	DH16CD			9	8,5	8,6	8,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02675



Trang 2/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm: Vệ cơ khí (207122) - 002_DH16CD_01

Số Tin Ch: 2

Ngày Thi: 22/01/2018

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi: TV101

Giảng viên: Nguyễn Hải Đăng

Lớp:

DH12CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20 %	D2 20 %	D.Số 20	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	12118064	Nguyễn Thái Ngọc	DH12CK						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	16118104	Đào Xuân Nguyễn	DH16CK	<i>nguyễn</i>		3,3	8	4,5	5,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	16118107	Huỳnh Hữu Nhân	DH16CC	<i>nhân</i>		6	8,5	6,5	6,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	14153038	Lưu Thế Nhân	DH14CD	<i>thế</i>		7	5	6,5	6,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	15153044	Nguyễn Văn Nhân	DH15CD						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13153168	Nguyễn Hoàng Minh Nhật	DH13CD	<i>nguyễn</i>		7,5	8	7,0	7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	14118048	Bùi Hoàng Phong	DH14CC						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	16153063	Nguyễn Hoài Phong	DH16CD	<i>hoài</i>		8,5	7,5	5,0	6,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13153186	Trần Minh Quang	DH13CD	<i>trần</i>		1	6	3,0	3,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	16153067	Hoàng Lê Minh Quân	DH16CD	<i>quân</i>		5	7	6,0	6,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	16153068	Lê Quốc Qui	DH16CD	<i>quốc</i>		7,5	8,5	6,5	7,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	14153045	Võ Xuân Quỳnh	DH14CD	<i>võ</i>		7	7,5	8,9	7,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	16118130	Bùi Thanh Sang	DH16CK	<i>sang</i>		3	8	2,0	3,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13118045	Nguyễn Văn Sang	DH13CK						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	14118239	Vân Công Sĩ	DH14CK						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 02675



Trang 3/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/ Nhóm Vẽ cơ khí (207122) - 002_DH16CD_01

Số Tín Ch: 2

Ngày Thi 22/01/2018

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV101

Giảng viên: Nguyễn Hải Đăng

Lớp DH15CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 20 %	D. Số 60	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	15118088	Trần Hữu Sơn	DH15CK			2	7,5	6,5	5,8	0012345678910	0123456789
32	16153072	Đỗ Tam Tài	DH16CD			7,5	8	6,0	6,7	0012345678910	0123456789
33	13118047	Phạm Minh Tài	DH13CK			0	6,5	1,0	1,9	0012345678910	0123456789
34	14118062	Đỗ Văn Tàu	DH14CK			7	5	1,8	3,5	0012345678910	0123456789
35	16153076	Nguyễn Quốc Tâm	DH16CD			7	6,5	1,5	3,6	0012345678910	0123456789
36	16153082	Tô Thanh	DH16CD			8	7,5	5,0	6,1	0012345678910	0123456789
37	16153085	Huỳnh Công Thành	DH16CD			8,5	7,5	6,5	7,1	0012345678910	0123456789
38	13153023	Tăng Thành Thảo	DH13CD			7,5	9,5	6,0	7,0	0012345678910	0123456789
39	16153081	Lê Văn Thắng	DH16CD			8,5	8,5	3,0	5,2	0012345678910	0123456789
40	15118103	Nguyễn Hữu Thọ	DH15CC			6	6	3,5	4,5	0012345678910	0123456789
41	13153229	Lê Quyết Tiến	DH13CD						✓	0012345678910	0123456789
42	16118154	Lê Xuân Tiến	DH16CK			3,5	6	3,4	4,0	0012345678910	0123456789
43	16153093	Nguyễn Lê Tinh	DH16CD			8	7	3,5	5,1	0012345678910	0123456789
44	13153238	Mai Thanh Tinh	DH13CD			5	0	3,0	2,8	0012345678910	0123456789
45	16153094	Nguyễn Vũ Tịnh	DH16CD						✓	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02675



Trang 4/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học: Nhóm Vẽ cơ khí (207122) - 002_DH16CD_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 22/01/2018

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV101

Giảng viên: Nguyễn Hải Đăng

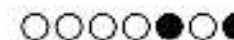
Lớp DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số 60	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
46	13118306	Nguyễn Chu Toàn	DH13CC						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	15118114	Lê Đức Trí	DH15CK						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	16153096	Huỳnh Văn Trọng	DH16CD	<i>Trọng</i>		8	6,5	4,5	5,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	14118293	Lê Văn Trùng	DH14CK	<i>Trùng</i>		6,5	8	6,0	6,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	14118086	Nguyễn Công Truyền	DH14CK	<i>Truyền</i>		3	6,5	2,5	3,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	14118294	Nguyễn Phi Trường	DH14CK						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	14118319	Lê Anh Tuấn	DH14CC	<i>Tuấn</i>		7	8,5	3,0	4,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	16153102	Nguyễn Minh Tuấn	DH16CD	<i>Tuấn</i>		8	9	5,9	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	14153058	Nguyễn Văn Tuấn	DH14CD	<i>Tuấn</i>		5	6,5	1,0	2,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
55	14118309	Bùi Thanh Vinh	DH14CK						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	16153107	Lâm Văn Vinh	DH16CD	<i>Vinh</i>		6,5	6	2,5	4,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	16153108	Huỳnh Tấn Vũ	DH16CD	<i>Vũ</i>		6,5	8,5	1,0	3,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	13118354	Lê Lương Tuấn Vũ	DH13CC	<i>Vũ</i>		0	5,5	3,0	2,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	16153109	Lê Văn Vũ	DH16CD	<i>Vũ</i>		7,5	7	4,5	5,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	16153110	Nguyễn Đình Tuấn Vũ	DH16CD	<i>Vũ</i>		7	4,5	5,5	5,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 02675



Trang 5/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm **Vẽ cơ khí (207122) - 002_DH16CD_01**

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 22/01/2018

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV101

Giảng viên: Nguyễn Hải Đăng

Lớp **DH14CK (Cơ khí nông lâm)**

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
61	14118315	Trần Bá Vương	DH14CK			6,5	9,5	4,5	5,9	0012345678910	0123456789
62	13153031	Trần Thế Vương	DH13CD						✓	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 48. Số sinh viên vắng: 12

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

TS. Bùi Ngọc Hùng

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: UĐ tin học trong thiết kế máy (207125) - 02

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15153003	Đào Lưu Bình	DH15CD	<i>Đào Lưu Bình</i>		10	9,0	7,0	8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	14118008	Nguyễn Đăng Châu	DH14CK	<i>Nguyễn Đăng Châu</i>		1,0	7,0	7,0	5,8	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
3	15154007	Nguyễn Xuân Chinh	DH15OT	<i>Nguyễn Xuân Chinh</i>		1,0	7,0	6,5	5,5	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
4	14118128	Nguyễn Văn Duy	DH14CK						✓	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	15118016	Phạm Hữu Định	DH15CK	<i>Phạm Hữu Định</i>		10	9,0	6,0	7,4	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
6	14154014	Doãn Minh Độ	DH14OT						✓	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	15118017	Doãn Ngọc Đông	DH15CK	<i>Doãn Ngọc Đông</i>		1,0	9,0	6,0	5,6	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
8	15154014	Nguyễn Văn Giang	DH15OT	<i>Nguyễn Văn Giang</i>		3,0	9,0	4,5	5,1	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	15137008	Châu Trần Minh Đức	DH15NL	<i>Châu Trần Minh Đức</i>		3,0	9,0	3,5	4,5	○○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
10	15154017	Huỳnh Thanh Giang	DH15OT	<i>Huỳnh Thanh Giang</i>		3,0	9,0	5,5	5,7	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
11	15154018	Lê Trường Giang	DH15OT	<i>Lê Trường Giang</i>		1,0	9,0	2,0	3,2	○○○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	15154019	Vô Duy Hà	DH15OT						✓	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	15153021	Đặng Trung Hậu	DH15CD	<i>Đặng Trung Hậu</i>		1,0	9,0	7,5	6,5	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
14	14153015	Đặng Đình Hiệp	DH14CD	<i>Đặng Đình Hiệp</i>		1,0	9,0	4,0	4,4	○○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
15	15153025	Nguyễn Minh Hiếu	DH15CD	<i>Nguyễn Minh Hiếu</i>		1,0	9,0	4,0	4,8	○○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
16	15137020	Trần Văn Trọng	DH15NL	<i>Trần Văn Trọng</i>		10	9,0	4,5	6,5	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
17	14118164	Tôn Nhật Hoàng	DH14CK	<i>Tôn Nhật Hoàng</i>		3,0	9,0	5,0	5,4	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
18	15118041	Đỗ Quang Huy	DH15CK	<i>Đỗ Quang Huy</i>		10	9,0	8,5	8,9	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: UD tin học trong thiết kế máy (207125) - 02

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	D1 Điểm %	D2 Điểm %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	15154025	Nguyễn Minh Khánh	DH15OT	<i>Khánh</i>		3,0	9,0	7,0	6,6	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤●⑦⑧⑨
20	15154026	Thái Văn Khánh	DH15OT	<i>Khánh</i>		3,0	9,0	10	8,4	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	⑩①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
21	15154028	Trịnh Ngọc Anh Kiệt	DH15OT						✓	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	15154030	Nguyễn Duy Linh	DH15OT	<i>Linh</i>		3,0	9,0	4,0	4,8	○●①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦●⑨
23	15154031	Nguyễn Hữu Linh	DH15OT	<i>Linh</i>		1,0	9,0	6,0	5,6	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤●⑦⑧⑨
24	15118057	Nguyễn Thanh Long	DH15CC	<i>Long</i>		10	9,0	7,0	8,0	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	15153032	Huỳnh Tấn Lợi	DH15CD	<i>Lợi</i>		3,0	9,0	6,0	6,0	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	15154033	Nguyễn Thành Nam	DH15OT						✓	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	15118069	Vô Văn Nam	DH15CK	<i>Nam</i>		10	9,0	5,5	7,1	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	⑩●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
28	15118071	Nguyễn Tấn Nghĩa	DH15CK	<i>Nghĩa</i>		1,0	9,0	10	8,0	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
29	15118080	Lê Nguyễn Vinh Phúc	DH15CK	<i>Phúc</i>		3,0	6,0	4,5	4,5	○●①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④●⑥⑦⑧⑨
30	15118081	Trương Văn Phúc	DH15CK	<i>Phúc</i>		10	9,0	7,8	8,5	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	⑩①②③④●⑥⑦⑧⑨
31	15118083	Vũ Hải Quân	DH15CK	<i>Quân</i>		3,0	9,0	7,0	6,6	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤●⑦⑧⑨
32	14118058	Hà Trọng Quốc	DH14CK						✓	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
33	15154041	Nguyễn Minh Nhật Quyền	DH15OT	<i>Quyền</i>		0	0	2,0	1,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
34	15154042	Nguyễn Thanh Sang	DH15OT	<i>Sang</i>		1,0	9,0	5,0	5,0	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
35	15118089	Lê Văn Song	DH15CK	<i>Song</i>		10	9,0	6,5	7,7	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥●⑧⑨
36	15154043	Dặng Hoàng Sơn	DH15OT	<i>Sơn</i>		10	9,0	6,0	7,4	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	⑩①②③●⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: UD tin học trong thiết kế máy (207125) - 02

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
37	15154045	Trần Suker	DH15OT			3,0	9,0	10	8,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
38	15153054	Nguyễn Sỹ	DH15CD			3,0	9,0	4,0	4,8	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
39	15118092	Bùi Trí	DH15CK			3,0	9,0	8,0	7,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
40	15153057	Đỗ Thành	DH15CD			1,0	9,0	5,0	5,0	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
41	15154051	Nguyễn Duy	DH15OT			1,0	9,0	8,5	7,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	① ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
42	15153062	Lâm Minh	DH15CD			3,0	9,0	9,5	8,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
43	15154055	Lưu Thanh	DH15OT			3,0	9,0	9,5	8,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
44	15118101	Phạm Minh	DH15CK			6,5	9,0	5,5	6,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
45	15154058	Lê Đoàn Trường	DH15OT						✓	● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
46	15118102	Phạm Văn	DH15CK			10	9,0	9,5	9,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
47	15154061	Lê Minh	DH15OT			3,0	9,0	5,0	5,4	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
48	15118120	Trần Nguyễn Quốc	DH15CK			3,0	9,0	5,0	5,4	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
49	15154064	Mai Hoàng	DH15OT			3,0	9,0	6,5	6,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
50	15154066	Nguyễn Thanh	DH15OT			3,0	9,0	5,0	5,4	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
51	14118305	Trương Thanh	DH14CK			1,0	9,0	5,0	5,0	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
52	15118129	Nguyễn Xuân	DH15CK			6,5	9,0	8,5	8,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
53	15154072	Trần Quốc	DH15OT			10	9,0	3,5	5,9	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Ngày in : 19/12/2017 09:44

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

TS. Bùi Ngọc Hùng

Nguyễn Hải Đăng

Lê Văn Tuấn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: UD tin học trong thiết kế máy (207125) - 04

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm tđ
1	15118006	Nguyễn Châu	Bình	DH15CK		10	9,0	5,0	6,8	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦●⑨
2	13154081	Lê Ngọc	Châu	DH13OT		1,0	9,0	8,5	7,1	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	15118008	Lê Trung	Chiến	DH15CK		10	7,0	3,5	5,5	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④●⑥⑦⑧⑨
4	14118118	Phạm Đức	Công	DH14CC		10	9,0	4,5	6,5	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○○①②③④●⑥⑦⑧⑨
5	14118120	Nguyễn Minh	Cường	DH14CK					✓	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	15118009	Nguyễn Quốc	Cường	DH15CK		3,0	9,0	7,0	6,6	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤●⑦⑧⑨
7	15118026	Ngô Hồng	Duy	DH15CK		1,0	9,0	8,5	7,1	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	14118012	Phạm Đăng	Duy	DH14CC		10	9,0	8,0	8,6	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○○①②③④⑤●⑦⑧⑨
9	14118014	Nguyễn Bảo	Dâm	DH14CC		10	9,0	9,0	9,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	14118136	Nguyễn Quốc	Dật	DH14CC		6,5	9,0	5,5	6,4	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
11	14154012	Nguyễn Tuấn	Dật	DH14OT		3,0	6,0	6,0	5,4	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
12	14118018	Trần Phương	Dông	DH14CK		3,0	7,0	5,0	5,5	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④●⑥⑦⑧⑨
13	15118019	Nguyễn Tấn	Dông	DH15CK		1,0	7,0	3,0	3,4	○○○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
14	15153019	Nguyễn Nhật	Hào	DH15CD		10	9,0	7,0	8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	15153023	Lê Trung	Hiếu	DH15CD		1,0	4,0	4,0	3,4	○○○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
16	15118035	Nguyễn Xuân	Hiếu	DH15CK		1,0	9,0	8,5	7,1	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	15118037	Nguyễn Công	Hòa	DH15CK		10	9,0	7,5	8,3	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
18	14118170	Bùi Quang	Huy	DH14CK		1,0	7,0	4,0	4,0	○○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: ƯD tin học trong thiết kế máy (207125) - 04

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tổ điểm lẻ
19	15118140	Trương Đăng Khoa	DH15CK	Khoa		3,0	9,0	7,0	6,6	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤●⑦⑧⑨
20	15118046	Trần Văn Khôi	DH15CK	Khôi		1,0	9,0	4,0	4,4	○○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
21	15118049	Nguyễn Văn Lâm	DH15CK	Lâm		1,0	9,0	7,5	6,5	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○○①②③④●⑥⑦⑧⑨
22	15118056	Nguyễn Nhật Lợi	DH15CK	Lợi		10	9,0	9,5	9,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○○①②③④●⑥⑦⑧⑨
23	14118037	Trần Đình Hải	DH14CC	Hải		1,0	9,0	10	8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○○①②③④●⑥⑦⑧⑨
24	14153027	Nguyễn Phan Lợi	DH14CD	Lợi		3,0	7,0	6,5	5,9	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧●
25	15118058	Nguyễn Thành Luân	DH15CK	Luân		10	9,0	9,0	9,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○○●③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	15118066	Hoàng Văn Nam	DH15CK	Nam					✓	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	15118068	Phạm Đức Nam	DH15CK	Nam		3,0	9,0	3,0	4,2	○○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
28	14118046	Nguyễn Phúc Bảo Nhi	DH14CC	Nhi		10	3,0	4,0	5,0	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
29	15118078	Nguyễn Tấn Phát	DH15CK	Phát		10	9,0	6,0	7,4	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
30	15118090	Huỳnh Quốc Tài	DH15CK	Tài		3,0	9,0	9,5	8,1	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
31	15118091	Phạm Tấn Tài	DH15CC	Tài		1,0	9,0	4,0	4,4	○○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
32	15118093	Phạm Ngọc Tập	DH15CK	Tập		3,0	9,0	8,0	7,2	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
33	14118254	Nguyễn Hữu Thái	DH14CC	Thái		3,0	9,0	8,5	7,5	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○○①②③④●⑥⑦⑧⑨
34	15118099	Huỳnh Nhật Thiện	DH15CK	Thiện		3,0	4,0	4,5	4,1	○○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
35	14118264	Nguyễn Xuân Thiệu	DH14CK	Thiệu		3,0	9,0	3,5	4,5	○○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④●⑥⑦⑧⑨
36	15153065	Lê Văn Thường	DH15CD	Thường		3,0	9,0	7,0	6,6	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤●⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: UĐ tin học trong thiết kế máy (207125) - 04

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
37	14118074	Phạm Đình Tiến	DH14CC			3,0	9,0	10	8,4	○○○1234567●910	○123●56789
38	15118109	Lưu Ngọc Anh	DH15CK			6,5	9,0	6,5	7,0	○○123456●8910	●123456789
39	15118110	Vũ Công	DH15CK			10	9,0	7,5	8,3	○○1234567●910	○12●456789
40	14118081	Lê Ngọc Đăng	DH14CK			3,0	9,0	6,0	6,0	○○12345●78910	●123456789
41	14118086	Nguyễn Công	DH14CK			1,0	7,0	3,0	3,4	○○12●45678910	○123●56789
42	15118123	Trần Thanh	DH15CK			10	9,0	9,5	9,5	○○12345678●10	○1234●6789
43	15118125	Hồ Minh	DH15CK			10	9,0	9,5	9,5	○○12345678●10	○1234●6789
44	14118319	Lê Anh	DH14CC			3,0	9,0	3,5	4,5	○○123●5678910	○1234●6789
45	14118089	Nguyễn Nhật	DH14CC			3,0	9,0	5,0	5,4	○○1234●678910	○123●56789
46	15118132	Phạm Thế	DH15CK			1,0	9,0	5,5	5,3	○○1234●678910	○12●456789
47	14118310	Trần Hữu	DH14CC			3,0	9,0	10	8,4	○○1234567●910	○123●56789
48	15118133	Dặng Hoàng	DH15CK			3,0	9,0	3,5	4,5	○○123●5678910	○1234●6789
49	15118136	Dỗ Văn	DH15CK			1,0	9,0	5,5	5,3	○○1234●678910	○12●456789
50	15118137	Nguyễn Quốc	DH15CK			10	9,0	4,8	6,7	○○12345●78910	○123456●89
51	15118139	Nguyễn Thành	DH15CK			3,0	9,0	5,0	5,4	○○1234●678910	○123●56789

Số lượng vắng: 02

Hiện diện: 49

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Hải Đăng
Ngày in: 19/12/2017 09:44

Lê Văn Tuấn

TS. Bùi Ngọc Hùng

Nguyễn Hải Đăng

Lê Văn Tuấn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 04

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15138007	Trương Thành Cúa	DH15TD			5,5	2,2		7,7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	15118023	Nguyễn Minh Dương	DH15CC			5,2	1,2		6,4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	15118041	Đỗ Quang Huy	DH15CK			5,8	2,4		8,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	15118055	Lê Thanh Long	DH15CK			5,5	2,1		7,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	15118058	Nguyễn Thành Luân	DH15CK			5,8	2,5		8,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	15138039	Nguyễn Hồ Tấn Lực	DH15TD			5,5	2,2		7,7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	15118060	Phạm Văn Mai	DH15CK			5,5	2,4		7,9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	15118067	Nguyễn Hoài Nam	DH15CC			5,5	1,8		7,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	15118069	Võ Văn Nam	DH15CK			5,8	2,4		8,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	15118071	Nguyễn Tấn Nghĩa	DH15CK			5,8	1,8		7,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	15138045	Bùi Minh Nhật	DH15TD			6,1	1,8		7,9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	15118077	Nguyễn Minh Nhật	DH15CC			5,5	2,1		7,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	15118079	Nguyễn Thanh Phong	DH15CC			5,5	2,2		7,7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	15153055	Nguyễn Thái Tài	DH15CD			5,5	2		7,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	15118093	Phạm Ngọc Tập	DH15CK			6,1	1,8		7,9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	15138058	Lê Quốc Thái	DH15TD			5,7	1,7		7,4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	15118095	Dương Tấn Thành	DH15CK			5,5	2,4		7,9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	15138062	Nguyễn Hữu Thiên	DH15TD			5,5	2,1		7,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 04

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	15118101	Phạm Minh Thiện	DH15CK			5,5	2		7,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	15138064	Nguyễn Phước Toàn	DH15TD			6,1	1,7		7,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	15118102	Phạm Văn Thịnh	DH15CK			5,8	2,5		8,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	15138066	Nguyễn Minh Thoại	DH15TD			5,7	1,9		7,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	15118108	Lê Trung Tinh	DH15CC			5,5	2		7,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	15118115	Và Minh Trí	DH15CK			5,5	2,3		7,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	15138069	Nguyễn Trần Nghĩa	DH15TD			4,5	1,6		6,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	15118121	Lê Quang Trường	DH15CK			5,5	2,1		7,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

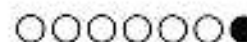
Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Chang
Phạm Quang Trường

N. V. Kiệp



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 05

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	15118001	Nguyễn Bình An	DH15CK			5,2	1,8		7,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	15138004	Trần Hải Bảo	DH15TD			5,2	2		7,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	15138005	Dương Vũ Bình	DH15TD			3,5	0		3,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	15118012	Trần Thanh Danh	DH15CK			5,2	1,8		7,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	15118010	Lâm Văn Đại	DH15CK			5,2	1,8		7,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	15138008	Huỳnh Tuấn Hải Đăng	DH15TD			4,2	2,3		6,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	15118017	Đoàn Ngọc Đông	DH15CK			4,8	1,8		6,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	15118043	Trần Minh Khang	DH15CC			5,2	2		7,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	15118044	Huỳnh Quốc Khanh	DH15CC			5,2	2		7,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	15118048	Nguyễn Văn Lâm	DH15CC			5,1	1,8		6,9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	15118054	Đặng Duy Long	DH15CK			5,5	1,8		7,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	15118065	Nguyễn Trúc Minh	DH15CC			5,2	2		7,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	15138041	Trương Đức Minh	DH15TD			4,6	2,3		6,9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	14118206	Lê Từ Nguyễn	DH14CC			4,8	2		6,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	15137038	Nguyễn Văn Nhiên	DH15NL			5,2	2		7,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	15118084	Bùi Quốc Qui	DH15CC			5,5	1,8		7,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	15154042	Nguyễn Thanh Sang	DH15OT			5,2	2		7,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	15138054	Trương Minh Sảng	DH15TD			5,2	2		7,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 05

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	15118087	Nguyễn Thanh Sơn	DH15CC			5,5	1,8		7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	15118088	Trần Hữu Sơn	DH15CK			5,2	1,8		7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	15138056	Dương Thành Tâm	DH15TD			3,0	2,3		6,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	15118094	Nguyễn Đoàn Thắng	DH15CK			5,2	1,8		7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	16137081	Võ Ngọc Thương	DH16NL			5,2	2		7,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	15118104	Hoàng Ngọc Tiến	DH15CK			4,6	2,3		6,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	15118118	Nguyễn Bảo Trọng	DH15CC			5,5	1,8		7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	15137065	Lê Trung	DH15NL			5,2	2		7,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13153261	Trương Văn Tuy	DH13CD			4,8	2		6,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Chang
Phạm Quang Thắng

Nguyễn Văn Kiệp
N.V. Kiệp

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 06

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15138001	Trương Văn An	DH15TD			4,8	2,4		7,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	15154009	Đoàn Văn Cường	DH15OT			5,2	2,5		7,7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	15138019	Nguyễn Vũ Hoàng Duy	DH15TD			5,2	2,3		7,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	15154018	Lê Trường Giang	DH15OT			5,2	2,2		7,4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	14154017	Lê Minh Hải	DH14OT			4,9	2,2		7,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	15138022	Huỳnh Thanh Hiền	DH15TD			5,2	2,4		7,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	15138024	Trần Như Hiền	DH15TD			5,2	2,3		7,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	15153026	Nguyễn Trung Hiếu	DH15CD			5,2	2,3		7,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	15138074	Phạm Lê Thanh Hòa	DH15TD			4,8	2,2		7,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	15138026	Ngô Văn Hoàn	DH15TD			5,2	2,4		7,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	15138027	Bùi Hữu Hưng	DH15TD			4,9	2,4		6,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	13118169	Nguyễn Trọng Hữu	DH13CK			4,9	2,4		6,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	15138030	Nguyễn Duy Kha	DH15TD			5,2	2,4		7,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	15138043	Trần Thành Nghĩa	DH15TD			4,8	1,9		6,7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	15154039	Nguyễn Thanh Phong	DH15OT			5,2	2,1		7,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	12153130	Đỗ Văn Sang	DH12CD			V	V		V	①①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	15154043	Đặng Hoàng Sơn	DH15OT			4,8	2,4		7,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	15154045	Trần Suker	DH15OT			5,2	2,5		7,7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 06

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	15153056	Trần Tấn Tài	DH15CD			5,2	2,4		7,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	15154054	Nguyễn Văn Thảo	DH15OT			5,2	1,9		7,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	15118103	Nguyễn Hữu Thọ	DH15CC			4,8	2,5		7,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	15153064	Nguyễn Hiền Thuận	DH15CD			4,8	2,2		7,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	15154063	Hồ Nhật Trường	DH15OT			4,9	1,9		6,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	15153073	Nguyễn Anh Tuấn	DH15CD			5,2	2,3		7,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	15138071	Nguyễn Đình Tùng	DH15TD			4,8	1,9		6,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	14118305	Trương Thanh Tùng	DH14CK			4,6	2,3		6,9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Phạm Quang Thắng

N.V. Kiệp

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 07

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15154003	Nguyễn Đình Tuấn Anh	DH15OT			4,1	2,4		6,5	○○○12345678910	○123456789
2	14118102	Hồ Chí Bảo	DH14CK			5,5	2,5		8,0	○○○12345678910	○123456789
3	14118128	Nguyễn Văn Duy	DH14CK			5,5	2,5		8,0	○○○12345678910	○123456789
4	15138017	Hồ Thanh Dương	DH15TD			4,9	2		6,9	○○○12345678910	○123456789
5	15118024	Nguyễn Văn Hoàng	DH15CC			4,9	2,2		7,1	○○○12345678910	○123456789
6	13153006	Nguyễn Tam Đức	DH13CD			4,1	2,4		6,5	○○○12345678910	○123456789
7	15154019	Vô Duy Hà	DH15OT			5,2	2		7,2	○○○12345678910	○123456789
8	15137020	Trần Võ Trọng Hiếu	DH15NL			4,8	2,2		7,0	○○○12345678910	○123456789
9	15137029	Phạm Đăng Huy	DH15NL			5,2	1,9		7,1	○○○12345678910	○123456789
10	15137071	Nguyễn Duy Khanh	DH15NL			4,8	1,9		6,7	○○○12345678910	○123456789
11	15154026	Thái Văn Khánh	DH15OT			4,6	1,9		6,5	○○○12345678910	○123456789
12	14118190	Huỳnh Công Lân	DH14CK			5,1	2,6		7,7	○○○12345678910	○123456789
13	15154031	Nguyễn Hữu Linh	DH15OT			5,2	2,4		7,6	○○○12345678910	○123456789
14	15154032	Nguyễn Hữu Lộc	DH15OT			5,2	2,4		7,6	○○○12345678910	○123456789
15	15118068	Phạm Đức Nam	DH15CK			3,8	1,7		5,5	○○○12345678910	○123456789
16	15154035	Vương Quốc Nghĩa	DH15OT			4,8	2		6,8	○○○12345678910	○123456789
17	14118207	Nguyễn Lê Nguyễn	DH14CK			4,4	2,5		6,9	○○○12345678910	○123456789
18	15154038	Đặng Thanh Phong	DH15OT			5,2	2,4		7,6	○○○12345678910	○123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Thử tập gia công cắt - gọt (207126) - 07

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	15154044	Nguyễn Võ Hoàng Sơn	DH15OT			4,9	2,2		7,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	15154046	Đào Tuấn Tài	DH15OT			5,2	2,5		7,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	15154058	Lê Đoàn Trường Thịnh	DH15OT			3,4	1,5		4,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	15118106	Trần Trung Tín	DH15CK			5,2	1,7		6,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	14154061	Trương Ngọc Tín	DH14OT			4,1	2		6,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	14118081	Lê Ngọc Đăng Trình	DH14CK			5,5	2,3		7,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	15118124	Bùi Anh Tuấn	DH15CK			4,8	2,1		6,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	15118131	Dương Quốc Việt	DH15CK			5,2	1,9		7,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	15154071	Huỳnh Tấn Vũ	DH15OT			4,9	2		6,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vàng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi :

Cần bổ coi thi 2

Xúc nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi:

Cán bộ chấm thi 2

Phạm Quang Thắng

N. V. Kiep

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Hoc kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 08

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15154001	Phạm Trọng Ân	DH15OT			5,5	2,5		8,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	15154008	Nguyễn Hữu Chung	DH15OT			6,4	2,3		8,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
3	15118022	Trần Hoàng Dũng	DH15CK			4,9	2,2		7,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	15154014	Nguyễn Văn Giang	DH15OT			5,5	2,7		8,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	15154016	Huỳnh Quang	DH15OT			5,5	2,7		8,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	15153016	Sân Thanh Hải	DH15CD			4,5	2,1		6,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	15153018	Dương Thanh Hân	DH15CD			6,4	2,2		8,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
8	15137017	Phạm Phước Hậu	DH15NL			5,5	2,2		7,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑦⑧⑨
9	16137036	Huỳnh Quang Huy	DH16NL			4,5	1,5		6,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	15154025	Nguyễn Minh Khánh	DH15OT			5,5	2,6		8,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	14118188	Trần Nguyễn Phương Khôi	DH14CK			5,5	2,4		7,9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
12	16137043	Nguyễn Tuấn Kiệt	DH16NL			5,2	2,5		7,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
13	15154028	Trịnh Ngọc Anh Kiệt	DH15OT			5,1	1,2		6,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
14	15118057	Nguyễn Thanh Long	DH15CC			4,5	2,5		7,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	15153033	Phạm Văn Long	DH15CD			5,2	2,4		7,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
16	15153032	Huỳnh Tấn Lợi	DH15CD			6,4	2,5		8,9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
17	15118090	Huỳnh Quốc Tài	DH15CK			4,9	2,3		7,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	15154051	Nguyễn Duy Thái	DH15OT			5,5	2,7		8,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 08

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	15153065	Lê Văn Thuương	DH15CD			6,4	2,6		9,0	○⑩①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	15154060	Nguyễn Công Tĩnh	DH15OT			6,4	2,4		8,8	○⑩①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦●⑨
21	15118111	Trần Văn Toàn	DH15CK			4,9	1,9		6,8	○⑩①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦●⑨
22	15118112	Nguyễn Hữu Trán	DH15CC			4,5	2,7		7,2	○⑩①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	⑩①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	15154061	Lê Minh Tri	DH15OT			4,9	2,4		7,3	○⑩①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	⑩①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
24	15137063	Nguyễn Phước Trịnh	DH15NL			4,8	1,1		5,9	○⑩①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧●
25	15118120	Trần Nguyễn Quốc	DH15CK			4,9	2,4		7,3	○⑩①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	⑩①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
26	15154072	Trần Quốc Vỹ	DH15OT			5,1	2,5		7,6	○⑩①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤●⑦⑧⑨
27	15138073	Nguyễn Hoàng Xuyên	DH15TD			5,1	1,4		6,5	○⑩①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④●⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Chang
Phạm Quang Thắng

N.V. Kiệp

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Hoc kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 10

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14153003	Nguyễn Chi Bảo	DH14CD			4,8	2,5		7,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	13153042	Tạ Văn Bình	DH13CD			4,6	2,5		7,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	16137006	Nguyễn Ngọc Chí	DH16NL			5,3	2,5		7,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	16137008	Nguyễn Tuấn Cường	DH16NL			4,9	2,5		7,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	16137010	Phan Lâm Cường	DH16NL			5	2,5		7,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	16137022	Nguyễn Trần Duy	DH16NL			5,7	2,4		8,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	15153013	Nguyễn Trường Duy	DH15CD			5,5	2,4		7,9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	16137011	Nguyễn Chi Đại	DH16NL			5,6	2		7,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	16137013	Phan Quốc Đạt	DH16NL			5,7	2,6		8,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	16137014	Đào Dồn Diên	DH16NL			5,3	2,4		7,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	14118017	Nguyễn Thanh Diên	DH14CK			5,3	2,5		7,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	16137024	Tạ Trường Giang	DH16NL			5,6	2,4		8,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	16137032	Cao Nguyễn Gia Phụng Hoàng	DH16NL			5,4	2,8		8,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	16138039	Phạm Văn Hùng	DH16TD			5,4	2,6		7,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	13118022	Trần Anh Kiệt	DH13CC			✓	✓		✓	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	16137045	Nguyễn Đình Kỳ	DH16NL			5,6	2,3		7,9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	16137047	Huỳnh Ngọc Linh	DH16NL			5,5	2,4		7,9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	16137049	Ngô Văn Lợi	DH16NL			5,6	2		7,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 10

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	13138173	Trần Vũ Sang	DH13TD			4,4	1,2		5,6	○○○12345678910	○○123456789
20	14118239	Vân Công Sĩ	DH14CK			5,3	2		7,3	○○○12345678910	○○123456789
21	16137085	Phan Thanh Trọng	DH16NL			5,4	2,6		8,0	○○○12345678910	○○123456789
22	16137088	Trần Bảo Trung	DH16NL			V	V		V	○○○12345678910	○○123456789
23	14118086	Nguyễn Công Truyền	DH14CK			4,6	2,2		6,8	○○○12345678910	○○123456789
24	16137091	Vũ Nhật Trường	DH16NL			4,1	2,5		6,6	○○○12345678910	○○123456789
25	16137093	Lê Văn Tuấn	DH16NL			5,7	2,6		8,3	○○○12345678910	○○123456789
26	16137096	Phạm Anh Tuấn	DH16NL			5,1	2,2		7,3	○○○12345678910	○○123456789
27	16137097	Trần Quốc Tuấn	DH16NL			5,5	2,8		8,3	○○○12345678910	○○123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/hộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Phạm Quang Trang

N. V. Kiệp

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 11

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	16137001	Nguyễn Chí Bảo	DH16NL			4,6	2,4		7,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑦①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	16137003	Lê Văn Bình	DH16NL			5,5	2		7,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑦①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	16137005	Quách Đình Cẩm	DH16NL			5,1	1,8		6,9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑦①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	16137016	Nguyễn Hữu Doanh	DH16NL			4,4	1,9		6,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑦①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	16137020	Huỳnh Tấn Duy	DH16NL			4,8	2,3		7,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑦①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	16137019	Nguyễn Vũ Hoài Dương	DH16NL			5,1	1,6		6,7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑦①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	16137023	Vô Khắc Ghi	DH16NL			4,9	2,4		7,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑦①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	16137030	Vô Trung Hiếu	DH16NL			5,5	1,8		7,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑦①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	16137037	Nguyễn Đức Huy	DH16NL			4,2	2,1		6,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑦①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	14154104	Huỳnh Văn Hưng	DH14OT			4,8	1,7		6,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑦①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	16137039	Lê Hoàng Khang	DH16NL			5,5	2,3		7,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑦①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	16137042	Trần Trung Kiên	DH16NL			4,8	1,5		6,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑦①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	16137046	Lê Quang Lanh	DH16NL			5,1	1,9		7,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑦①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	16137048	Nguyễn Hoài Linh	DH16NL			4,9	2,4		7,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑦①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	16137061	Cao Minh Phúc	DH16NL			5,5	1,9		7,4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑦①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	16137064	Huỳnh Anh Quân	DH16NL			5,1	1,6		6,7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑦①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	14154043	Nguyễn Thanh Quân	DH14OT			4,8	1,9		6,7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑦①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	16137066	Đông Ngọc Sơn	DH16NL			4,6	2,1		6,7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑦①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 11

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	16137069	Đông Chi Tân	DH16NL			5,5	2,4		7,9	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧④
20	16137073	Đoàn Thương	DH16NL			5,5	2,1		7,6	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
21	16137076	Lê Hải Thiện	DH16NL			5,5	1,9		7,4	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
22	16137082	Dương Anh Tiến	DH16NL			5,5	2,1		7,6	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑩⑦⑧⑨
23	16137083	Huỳnh Trần Minh Trâm	DH16NL			4,4	1,1		5,5	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
24	16137089	Mai Trung Trường	DH16NL			5,5	2,4		7,9	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
25	16137095	Nguyễn Văn Tuấn	DH16NL			4,6	2,4		7,0	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	16137098	Vũ Trần Đăng Tuấn	DH16NL			5,1	2,1		7,2	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	16137103	Cao Nguyễn Xuân Vinh	DH16NL			5,5	2		7,5	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi I

Cán bộ chấm thi 2

Chang
Pham Quang Thang

Ильин
И. В. Клеп

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 15

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15138018	Nguyễn Hữu Duy	DH15TD			5,1	2,4		7,5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ● ● ● ● ● ○ ● ● ● ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ● ● ● ● ●
2	15153011	Ngô Phú Đô	DH15CD			4,8	2,4		7,2	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ● ● ● ● ● ○ ● ● ● ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ● ● ● ● ●
3	14137002	Lê Nguyễn Việt Hào	DH14NL			5,5	1,6		7,1	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ● ● ● ● ● ○ ● ● ● ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ● ● ● ● ●
4	15118034	Hoàng Anh Hiếu	DH15CC			3,9	2,4		6,3	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ● ● ● ● ● ○ ● ● ● ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ● ● ● ● ●
5	14118164	Tôn Nhật Hoàng	DH14CK			4,9	2,6		7,5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ● ● ● ● ● ○ ● ● ● ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ● ● ● ● ●
6	14118170	Bùi Quang Huy	DH14CK			5,1	1,4		6,5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ● ● ● ● ● ○ ● ● ● ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ● ● ● ● ●
7	16137034	Nguyễn Nho Hưng	DH16NL			4,4	1		5,4	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ● ● ● ● ● ○ ● ● ● ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ● ● ● ● ●
8	14137044	Nguyễn Văn Ka	DH14NL			4,8	1,8		6,6	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ● ● ● ● ● ○ ● ● ● ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ● ● ● ● ●
9	15153029	Phạm Duy Khánh	DH15CD			5,1	2,1		7,2	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ● ● ● ● ● ○ ● ● ● ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ● ● ● ● ●
10	15138038	Nguyễn Hoàng Long	DH15TD			4,9	2,5		7,4	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ● ● ● ● ● ○ ● ● ● ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ● ● ● ● ●
11	15118070	Lý Nghê	DH15CK			4,9	2,1		7,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ● ● ● ● ● ○ ● ● ● ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ● ● ● ● ●
12	14118048	Bùi Hoàng Phong	DH14CC			5,1	1,6		6,7	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ● ● ● ● ● ○ ● ● ● ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ● ● ● ● ●
13	15138052	Nguyễn Quốc Quyền	DH15TD			4,8	1,1		5,9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ● ● ● ● ● ○ ● ● ● ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ● ● ● ● ●
14	14154044	Điền Quyết	DH14OT			4,9	2,2		7,1	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ● ● ● ● ● ○ ● ● ● ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ● ● ● ● ●
15	15118086	K" San	DH15CK			4,9	2,5		7,4	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ● ● ● ● ● ○ ● ● ● ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ● ● ● ● ●
16	14118070	Đinh Trọng Thọ	DH14CK			4,9	2		6,9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ● ● ● ● ● ○ ● ● ● ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ● ● ● ● ●
17	14118294	Nguyễn Phi Trường	DH14CK			4,6	1,5		6,1	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ● ● ● ● ● ○ ● ● ● ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ● ● ● ● ●
18	14118304	Phạm Thanh Tùng	DH14CK			4,9	1,5		6,4	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ● ● ● ● ● ○ ● ● ● ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ● ● ● ● ●



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 15

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm tô
19	15118132	Phạm Thế Vinh	DH15CK			4,9	2,5		7,4	○⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	14118313	Hoàng Tuấn Vũ	DH14CK			5,1	1,2		6,3	○⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	14118315	Trần Bá Vương	DH14CK			5,1	0		5,1	○⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Chang
Phạm Quang Thắng

Trần Bá Vương
N. V. Kiệp

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

CBGD: Nguyễn Thị Phương Thảo (707)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15118001	Nguyễn Bình An	DH15CK			2,5	5		7,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	15137003	Chu Đông Quốc Anh	DH15NL			2,4	5		7,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	15118012	Trần Thanh Danh	DH15CK			2,4	5		7,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	15153011	Ngô Phú Đô	DH15CD			2,4	5,3		7,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	15118017	Đoàn Ngọc Đông	DH15CK			2,5	5		7,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	15118031	Nguyễn Đình Phương Hậu	DH15CK			2,6	5		7,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	15118032	Ngô Đại Hiệp	DH15CK			2,8	5,3		8,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	15118036	Nguyễn Trọng Hiếu	DH15CK			2,6	5		7,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	13137062	Hồ Thanh Hoàng	DH13NL			2,2	0		2,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	15137029	Phạm Đăng Huy	DH15NL			2,3	4,1		6,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	15118046	Trần Văn Khôi	DH15CK			2,8	5,6		8,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	15154031	Nguyễn Hữu Linh	DH15OT			2,3	5		7,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	15118055	Lê Thanh Long	DH15CK			2,5	5		7,9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	15118059	Trương Minh Luân	DH15CC			2,8	5		7,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	15118060	Phạm Văn Mái	DH15CK			2,6	5		7,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	15118062	Lăng Văn Minh	DH15CK			2,2	5,6		7,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	15118070	Lý Nghé	DH15CK			2,3	5,3		7,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	13118230	Cao Hoàng Phi	DH13CK			2,5	4,8		7,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 03

CBGD: Nguyễn Thị Phương Thảo (707)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	15137040	Nguyễn Minh Phong	DH15NL			2,5	5,6		8,1	○○○12345678910	0123456789
20	13118041	Lê Minh Phương	DH13CK			2,3	4,4		6,7	○○○12345678910	0123456789
21	14118057	Tạ Minh Quân	DH14CK			0	2		2,0	○○○12345678910	0123456789
22	15118086	K*	DH15CK			2,6	5,6		8,2	○○○12345678910	0123456789
23	15154042	Nguyễn Thanh Sang	DH15OT			2,5	5,3		7,8	○○○12345678910	0123456789
24	15118093	Phạm Ngọc Tập	DH15CK			2,4	5,6		8,0	○○○12345678910	0123456789
25	15118109	Lưu Ngọc Anh	DH15CK			2,5	5		7,5	○○○12345678910	0123456789
26	15118125	Hồ Minh Tuấn	DH15CK			2,6	5		7,6	○○○12345678910	0123456789
27	15137068	Nguyễn Minh Tuấn	DH15NL			2,6	4,8		7,4	○○○12345678910	0123456789
28	15118136	Đỗ Văn Vương	DH15CK			2,4	6,4		8,8	○○○12345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Chang
Phạm Quang Thắng

Nguyễn Thị Phương Thảo

N. V. Kiệp

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 04

CBGD: Nguyễn Thị Phương Thảo (707)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15118003	Nguyễn Tuấn Anh	DH15CK			2,5	5		7,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	15118014	Châu Tấn Đạt	DH15CK			2,5	4,7		7,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	14154012	Nguyễn Tuấn Đạt	DH14OT			2,3	4,8		7,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	15118029	Nguyễn Ngọc Hải	DH15CC			2,5	5,3		7,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	15154020	Phạm Tấn Hải	DH15OT			2,4	4,8		7,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	15153016	Sân Thanh Hải	DH15CD			2,5	5		7,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	15118035	Nguyễn Xuân Hiếu	DH15CK			2,6	5		7,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	15118037	Nguyễn Công Hòa	DH15CK			2,9	5,3		8,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	15137023	Quách Nguyễn Kim Hưng	DH15NL			2,6	5,3		7,9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	15118043	Trần Minh Khang	DH15CC			2,3	5,6		7,9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	15118140	Trương Đăng Khoa	DH15CK			2,4	5,6		8,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	14118190	Huỳnh Công Lân	DH14CK			4,9	4,8		6,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	15118054	Dặng Duy Long	DH15CK			2,6	4,4		7,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	15118056	Nguyễn Nhật Long	DH15CK			2,8	5,6		8,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	14118207	Nguyễn Lê Nguyễn	DH14CK			2,9	5		7,9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	15154044	Nguyễn Võ Hoàng Sơn	DH15OT			2,4	4,5		6,9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	15153055	Nguyễn Thái Tài	DH15CD			2,4	5		7,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	15153056	Trần Tấn Tài	DH15CD			2,4	4,8		7,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Thử tập gia công hàn - nguội (207127) - 04

CBGD: Nguyễn Thị Phương Thảo (707)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	14118249	Phạm Châu Thanh	DH14CK			2,6	5,9		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	15153065	Lê Văn Thường	DH15CD			2,5	5,3		7,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	15118104	Hoàng Ngọc Tiến	DH15CK			2,5	5		7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13118306	Nguyễn Chu Toàn	DH13CC			2,3	5,3		7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	15118121	Lê Quang Trường	DH15CK			2,2	5		7,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	15118127	Phan Xuân Tùng	DH15CK			2,6	5,6		8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	15154069	Nguyễn Ngọc Văn	DH15OT			2,3	4,7		7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	15118132	Phạm Thế Vinh	DH15CK			2,2	5		7,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Chang
Pham Quang Thang

Trên
Ng. Thi Phuong Thac

Ước
N. V. Kiệp

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 05

CBGD: Nguyễn Thị Phương Thảo (707)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15154001	Phạm Trọng Ân	DH15OT			2,2	4,5		6,7	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥●⑧⑨
2	15118009	Nguyễn Quốc Cường	DH15CK			2,8	5,6		8,4	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
3	15118022	Trần Hoàng Dũng	DH15CK			2,8	5,9		8,7	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②③④⑤⑥●⑧⑨
4	15118026	Ngô Hồng Duy	DH15CK			2,8	4,8		7,6	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤●⑦⑧⑨
5	15118010	Lâm Văn Đại	DH15CK			2,6	5,9		8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②③④●⑥⑦⑧⑨
6	15118016	Phạm Hữu Định	DH15CK			2,8	5		7,8	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨
7	15118038	Lê Sĩ Hoàng	DH15CK			2,6	5		7,6	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤●⑦⑧⑨
8	15118040	Nguyễn Quang Hưng	DH15CK			2,5	5,3		7,8	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨
9	15118045	Du Đức Anh Khoa	DH15CK			2,6	5,3		7,9	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩
10	15118049	Nguyễn Văn Lâm	DH15CK			2,6	5,6		8,2	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	15118058	Nguyễn Thành Luân	DH15CK			2,5	5,9		8,4	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
12	15118066	Hoàng Văn Nam	DH15CK			2,5	5,6		8,1	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	15118071	Nguyễn Tấn Nghĩa	DH15CK			2,5	5,9		8,4	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
14	15154037	Huỳnh Trọng Nhiên	DH15OT			2,5	5,3		7,8	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨
15	15118078	Nguyễn Tấn Phát	DH15CK			2,9	4,8		7,7	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥●⑧⑨
16	15118081	Trương Văn Phúc	DH15CK			2,5	5,6		8,1	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	15137046	Nguyễn Thành Tâm	DH15NL			2,4	4,2		6,6	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤●⑦⑧⑨
18	15118095	Dương Tấn Thành	DH15CK			2,4	5,3		7,7	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥●⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 05

CBGD: Nguyễn Thị Phương Thảo (707)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổng điểm
19	15118094	Nguyễn Doãn Thắng	DH15CK			2,6	5,6		8,2	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	14118259	Nguyễn Gia Thử	DH14CK			2,3	5,6		7,9	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧●
21	15118099	Huỳnh Nhật Thiện	DH15CK			2,4	5,3		7,7	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥●⑧⑨
22	15137056	Huỳnh Phúc Thịnh	DH15NL			2,3	5,3		7,6	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤●⑦⑧⑨
23	15118111	Trần Văn Toàn	DH15CK			2,6	5		7,6	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤●⑦⑧⑨
24	15118120	Trần Nguyễn Quốc Trung	DH15CK			2,5	5		7,5	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④●⑥⑦⑧⑨
25	15153072	Võ Văn Truyền	DH15CD			2,6	5,3		7,9	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧●
26	15118124	Bùi Anh Tuấn	DH15CK			2,9	6,2		9,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	15118131	Dương Quốc Việt	DH15CK			2,8	5		7,8	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨
28	15118137	Nguyễn Quốc Vương	DH15CK			2,3	4,7		7,0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Thang
Phạm Quang Thang

Nguyễn Thị Phương Thảo

N. V. Kiệp

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 06

CBGD: Nguyễn Thị Phương Thảo (707)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15137005	Nguyễn Đức Bửu	DH15NL			2,6	5,8		8,4	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑧	⑥ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	15137014	Nguyễn Ngọc Hải	DH15NL			2,3	5		7,3	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑦	⑥ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	15153018	Dương Thanh Hân	DH15CD			2,2	5		7,2	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑦	⑥ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	15137017	Phạm Phước Hậu	DH15NL			2,8	5		7,8	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑦	⑥ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
5	15118034	Hoàng Anh Hiếu	DH15CC			2,5	4,7		7,2	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑦	⑥ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	15118041	Đỗ Quang Huy	DH15CK			2,5	4,4		6,9	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑥	⑥ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
7	15154024	Hồ Ngọc Huy	DH15OT			2,4	5,6		8,0	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑧	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	15137030	Vũ Gia Huy	DH15NL			2,3	4,7		7,0	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑦	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	15137024	Vũ Quang Hưng	DH15NL			2,2	4,6		6,8	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑥	⑥ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
10	13118169	Nguyễn Trọng Hữu	DH13CK			2	5		7,0	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑦	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	15154032	Nguyễn Hữu Lộc	DH15OT			2,8	6,4		9,2	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑨	⑥ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	15118069	Vô Văn Nham	DH15CK			2,4	5,3		7,7	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑦	⑥ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
13	15137041	Trần Duy Phong	DH15NL			2,3	5,5		7,8	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑦	⑥ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
14	15118083	Vũ Hải Quân	DH15CK			2,8	5,3		8,1	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑧ ⑨ ⑦	⑥ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	15118089	Lê Văn Song	DH15CK			2,2	5,3		7,5	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑦	⑥ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	15118088	Trần Hữu Sơn	DH15CK			2,5	5,6		8,1	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑧ ⑨ ⑦	⑥ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
17	15118090	Huỳnh Quốc Tài	DH15CK			2,5	5,3		7,8	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑦	⑥ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
18	15118092	Bùi Trí Tâm	DH15CK			2,4	5,6		8,0	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑧ ⑨ ⑦	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Hoc kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 06

CBGD: Nguyễn Thị Phương Thảo (707)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	15137047	Phạm Thị Thanh Tâm	DH15NL			2,8	4,5		7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	15153060	Nguyễn Hữu Thạch	DH15CD			2,3	5		7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	15154051	Nguyễn Duy Thái	DH15OT			2,6	5,9		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	15154057	Lê Minh Thiện	DH15OT			2,5	5		7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	15118102	Phạm Văn Thịnh	DH15CK			2,8	5,3		8,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	15153064	Nguyễn Hiếu Thuận	DH15CD			2,2	5,6		7,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	15137061	Hùng Phạm Minh Trí	DH15NL			2,2	5,3		7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	14153137	Phạm Ngọc Trí	DH14CD			2,6	5,6		8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	15137064	Đỗ Bảo Trọng	DH15NL			2,3	5,3		7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cận bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

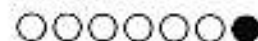
Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Phạm Quang Thang

myth
Ngữ Thi Phương Thảo


 N. V. Kien



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 07

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15137002	Võ Trường An	DH15NL			2,2	5		7,2	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	15118007	Lâm Quang Chiến	DH15CC			2,2	5		7,2	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	15154007	Nguyễn Xuân Chính	DH15OT			2,3	4,7		7,0	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	15154073	Dương Võ Duy	DH15OT			2,3	5,3		7,6	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤●⑦⑧⑨
5	15154014	Nguyễn Văn Giang	DH15OT			2	5,3		7,3	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
6	15137027	Nguyễn Hoàng Huy	DH15NL			2,3	5,5		7,8	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨
7	15137031	Nguyễn Hữu Kha	DH15NL			0	4,8		4,8	○●①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨
8	15154025	Nguyễn Minh Khánh	DH15OT			3	5,3		7,3	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
9	15154026	Thái Văn Khánh	DH15OT			2,4	5,3		7,7	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥●⑧⑨
10	15154030	Nguyễn Duy Linh	DH15OT			2,4	4,5		6,9	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧●
11	15137035	Bùi Công Minh	DH15NL			2,2	5,6		7,8	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨
12	15154038	Đặng Thanh Phong	DH15OT			2,6	5		7,6	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤●⑦⑧⑨
13	15137039	Lê Nam Phong	DH15NL			2,3	5		7,3	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
14	14118236	Nguyễn Văn Sang	DH14CK			2,4	5		7,4	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
15	15154043	Đặng Hoàng Sơn	DH15OT			2,6	5,3		7,9	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧●
16	15154046	Đào Tuấn Tài	DH15OT			2,8	5,6		8,4	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
17	15137048	Nguyễn Đình Nhật Tân	DH15NL			2,3	4,1		6,4	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
18	15154054	Nguyễn Văn Thảo	DH15OT			2,5	5,3		7,8	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 07

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	15154053	Son Ngọc Thắng	DH15OT			2	4,8		6,8	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦●⑨
20	15154055	Lưu Thanh Thiên	DH15OT			2,8	5		7,8	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦●⑨
21	15154058	Lê Đoàn Trường	DH15OT			✓	✓		✓	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	15118105	Nguyễn Hồng Tiến	DH15CC			2,3	5,9		8,2	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	⑩①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	15118115	Vô Minh Trí	DH15CK			2,4	5,6		8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	15118117	Lý Ngọc Trọng	DH15CK			2,6	4,8		7,4	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	⑩①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
25	15154063	Hồ Nhật Trường	DH15OT			2,5	4,7		7,2	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	⑩①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	15118126	Nguyễn Minh Tuấn	DH15CC			2,5	4,5		7,0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	15154072	Trần Quốc Vỹ	DH15OT			2,8	4,3		7,1	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	⑩●②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Phạm Quang Thắng

Ngô Thị Phương Thảo

N. V. Kiệp

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 08

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	15154003	Nguyễn Đình Tuấn Anh	DH15OT			2,6	5,3		7,9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	15154006	K"	DH15OT			2,5	5,3		7,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	15154008	Nguyễn Hữu Chung	DH15OT			2,3	5,3		7,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	15154009	Đoàn Văn Cường	DH15OT			2,6	5,6		8,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	15154016	Huỳnh Quang Dương	DH15OT			2,5	5,3		7,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	15154018	Lê Trường Giang	DH15OT			2,4	4,8		7,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	15154022	Phan Phước Hiền	DH15OT			2,5	5,3		7,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	13137080	Lê Thành Khôi	DH13NL			2,5	4,8		7,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	15154028	Trịnh Ngọc Anh Kiệt	DH15OT			2,5	5		7,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	15153033	Phạm Văn Long	DH15CD			2,8	5,9		8,7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	15154035	Vương Quốc Nghĩa	DH15OT			2,5	5,6		8,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	15118076	Trương Trọng Nhân	DH15CC			2,3	5,6		7,9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	15154036	Vô Khắc Hoàn Nhân	DH15OT			2,6	5,3		7,9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	15137072	Nguyễn Quang Nhật	DH15NL			2,8	5,3		8,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	15154039	Nguyễn Thanh Phong	DH15OT			2,8	5,3		8,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	14118234	Nguyễn Thiện Quang	DH14CC			2,2	5		7,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	15154045	Trần Suker	DH15OT			2,5	5,9		8,4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	15118091	Phạm Tấn Tài	DH15CC			2,2	5,3		7,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 08

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	15154048	Nguyễn Phúc Tâm	DH15OT			2,5	6,2		8,7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	15118101	Phạm Minh Thiện	DH15CK			2,9	5		7,9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	15154060	Nguyễn Công Tinh	DH15OT			2,9	5,6		8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	15154061	Lê Minh Trí	DH15OT			2,6	5,3		7,9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	15118118	Nguyễn Bảo Trọng	DH15CC			1,9	4,4		6,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	15154065	Nguyễn Anh Tuấn	DH15OT			2,2	4,8		7,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	15154066	Nguyễn Thanh Tuấn	DH15OT			2,3	3,8		6,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	15118129	Nguyễn Xuân Văn	DH15CK			2,6	5,3		7,9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	15154071	Huỳnh Tấn Vũ	DH15OT			2,6	5		7,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Phạm Quang Thắng

Ngô Thị Phương Thảo

N. V. Kiệp

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học: Nhóm Cơ kỹ thuật ứng dụng (207132) - 001_DH16TD_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 31/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD403

Giảng viên: Vương Thành Tiên

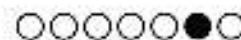
Lớp DH16TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	16138001	Cáp Ngọc An	DH16TD			2,5	2,0	2,8	7,3	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
2	16138003	Nguyễn Tiểu Bang	DH16TD			2,5	2,0	1,2	5,7	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
3	16138007	Huỳnh Thái Bảo	DH16TD			2,5	2,3	4,0	8,8	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
4	16138004	Lê Kim Bằng	DH16TD			2,5	1,5	1,5	5,5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
5	16138008	Nguyễn Hoàng Bửu	DH16TD			2,5	2,0	1,5	6,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
6	16138010	Nguyễn Minh Cường	DH16TD			2,5	1,5	1,0	5,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
7	16138011	Nguyễn Quang Cường	DH16TD			2,5	1,5	2,2	6,2	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
8	15138010	Đặng Xuân Danh	DH15TD							○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
9	16138013	Nguyễn Tấn Danh	DH16TD			2,5	1,0	1,5	4,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
10	16138023	Nguyễn Minh Dũng	DH16TD			2,5	2,0	2,5	7,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
11	16138024	Nguyễn Thanh Dũng	DH16TD			2,5	2,3	3,0	7,8	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
12	16138025	Trần Phúc Dũng	DH16TD			2,5	2,0	1,8	6,3	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
13	16138016	Nguyễn Gia Đạt	DH16TD			2,0	2,0	2,3	6,3	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
14	15138013	Phạm Thành Đạt	DH15TD							○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
15	16138017	Vì Văn Đạt	DH16TD			2,5	1,7	1,5	4,7	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○



Mã nhận dạng 02678



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm: Cơ kỹ thuật ứng dụng (207132) - 001_DH16TD_01

Số Tín Ch: 3

Ngày Thi: 31/01/2018

Giờ Thi: 07:00

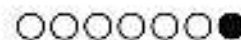
Phòng Thi: RD403

Giảng viên: Vương Thành Tiên

Lớp: DH16TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	16138019	Lê Trương Công Định	DH16TD			2,5	1,5	0,5	4,5	001234567890	0123456789
17	15138015	Lê Phan Nguyễn Thọ Đức	DH15TD			2,0	0,75	2,25	5,0	001234567890	0123456789
18	16138021	Nguyễn Chí Đức	DH16TD			2,5	2,0	2,0	6,5	001234567890	0123456789
19	16138026	Lại Hoàng Giang	DH16TD			2,5	2,0	2,8	7,3	001234567890	0123456789
20	16138027	Lê Hoàng Giang	DH16TD			2,5	1,25	2,25	6,5	001234567890	0123456789
21	16138029	Lê Nhật Hào	DH16TD			2,5	1,8	1,5	5,8	001234567890	0123456789
22	16138030	Nguyễn Văn Hào	DH16TD			2,5	2,0	2,5	7,0	001234567890	0123456789
23	16138031	Nguyễn Thị Tú Hào	DH16TD			2,5	1,25	1,25	5,5	001234567890	0123456789
24	15138022	Huỳnh Thanh Hiền	DH15TD			2,5	1,8	3,0	7,3	001234567890	0123456789
25	16138033	Ngô Đăng Hiệp	DH16TD			2,5	2,0	3,0	7,5	001234567890	0123456789
26	15138074	Phạm Lê Thanh Hòa	DH15TD			2,5	2,0	1,0	5,5	001234567890	0123456789
27	16138035	Lý Minh Hoàng	DH16TD			2,5	1,0	1,0	4,5	001234567890	0123456789
28	16138039	Phạm Văn Hùng	DH16TD			2,5	2,0	2,5	7,0	001234567890	0123456789



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/ Nhóm Cơ kỹ thuật ứng dụng (207132) - 002_DH16TD_01

Số Tín Ch: 3

Ngày Thi 31/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi PV319

Giảng viên: Vương Thành Tiên

Lớp DH16TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 35%	D2 35%	D.Số 20%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16138043	Trần Đức Huy	DH16TD	<i>Huy</i>		2,5	2,0	2,3	6,8	0012345678910	0123456789
2	15138029	Đào Hữu Huỳnh	DH15TD	<i>V</i>						0012345678910	0123456789
3	16138046	Đỗ Trọng Khang	DH16TD	<i>V</i>						0012345678910	0123456789
4	15138032	Nguyễn Văn Khế	DH15TD	<i>Khế</i>		2,5	2,25	3,25	8,5	0012345678910	0123456789
5	16138048	K'Pa Krim	DH16TD	<i>Krim</i>		2,5	1,8	2,0	6,3	0012345678910	0123456789
6	16138051	Dương Thị Mỹ Linh	DH16TD	<i>Linh</i>		2,5	2,0	1,0	5,5	0012345678910	0123456789
7	15138036	Huỳnh Tấn Lộc	DH15TD	<i>Lộc</i>		0,0	0,0	1,5	1,5	0012345678910	0123456789
8	16138056	Nguyễn Mai	DH16TD	<i>Mai</i>		2,5	2,3	1,5	6,3	0012345678910	0123456789
9	15138041	Trương Đức Minh	DH15TD	<i>Minh</i>		2,0	1,8	1,5	5,3	0012345678910	0123456789
10	16138058	Phạm Đăng Hoài	DH16TD	<i>Hoài</i>		2,5	2,0	2,3	6,8	0012345678910	0123456789
11	16138059	Vô Hoàng Nam	DH16TD	<i>Nam</i>		2,5	2,3	2,5	7,3	0012345678910	0123456789
12	16138060	Phạm Hoài Nghi	DH16TD	<i>Nghi</i>		2,5	2,0	3,5	8,0	0012345678910	0123456789
13	15138043	Trần Thành Nghĩa	DH15TD	<i>Nghĩa</i>		2,5	1,75	1,75	6,0	0012345678910	0123456789
14	16138062	Nguyễn Đình Trúc Nhân	DH16TD	<i>Nhan</i>		2,5	2,0	2,5	7,0	0012345678910	0123456789
15	16138067	Trần Văn Phương	DH16TD	<i>Phuoc</i>		2,5	0,8	1,0	4,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02679



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Cơ kỹ thuật ứng dụng (207132) - 002_DHI6TD_01

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 31/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi PV319

Giảng viên: Vương Thành Tiến

Lớp DHI6TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	16138069	Nguyễn Minh Quang	DHI6TD	<i>Quang</i>		2,5	2,0	1,8	6,3	0012345678910	0123456789
17	16138071	Trần Phước Sang	DHI6TD	<i>Sang</i>		2,5	2,0	1,5	6,0	0012345678910	0123456789
18	16138073	Nguyễn Ngọc Tâm	DHI6TD	<i>Tâm</i>		2,5	2,0	1,5	6,0	0012345678910	0123456789
19	16138076	Trần Đình Thanh	DHI6TD	<i>Thanh</i>		2,5	1,75	2,75	7,0	0012345678910	0123456789
20	16138077	Đỗ Hữu Thành	DHI6TD	<i>Thành</i>		2,0	2,0	0,5	4,5	0012345678910	0123456789
21	16138075	Nguyễn Sơn Thắng	DHI6TD	<i>Sơn</i>		2,5	2,0	1,5	6,0	0012345678910	0123456789
22	16138079	Lê Thế	DHI6TD	<i>Thế</i>		2,5	1,75	2,25	6,5	0012345678910	0123456789
23	16138081	Đặng Anh Thông	DHI6TD	<i>Thông</i>		2,5	1,75	3,25	7,5	0012345678910	0123456789
24	16138083	Trần Nguyễn Quốc Tiến	DHI6TD	<i>Quốc</i>		2,5	1,75	3,25	7,5	0012345678910	0123456789
25	16118162	Ngô Khắc Triệu	DHI6TD	<i>Triệu</i>		2,5	2,0	3,5	8,0	0012345678910	0123456789
26	15138071	Nguyễn Đình Túc	DHI5TD	<i>Túc</i>		2,5	1,75	0,25	4,5	0012345678910	0123456789
27	16138093	Trần Quốc Việt	DHI6TD	<i>Việt</i>		2,5	2,0	1,0	5,5	0012345678910	0123456789
28	15138073	Nguyễn Hoàng Xuyên	DHI5TD	<i>Xuyên</i>		2,0	1,0	1,0	4,0	0012345678910	0123456789